

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG DU LỊCH
---❧❧❧---

PHAN THANH VỊNH

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ ỦNG HỘ
PHÁT TRIỂN DU LỊCH QUẢNG NGÃI
THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

TÓM TẮT
LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

HUẾ, 2026

Công trình được hoàn thành tại **Trường Du lịch - Đại học Huế**
Người hướng dẫn: **TS. Lê Thanh An**
PGS. TS. Đặng Văn Mỹ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế họp tại **Đại học Huế - 01 Điện Biên Phủ, Thành phố Huế**

Vào lúc.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Du lịch - Đại học Huế

HUẾ, 2026

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu

1.1. Về mặt lý luận

Du lịch là một trong những ngành kinh tế toàn cầu có tốc độ phát triển nhanh, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, việc làm, thu nhập và nguồn ngoại tệ, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển (UNWTO, 2015; Bott, 2023; Igoumenakis và cộng sự, 2023; Page, 2025). Năm 2025, đóng góp của du lịch vào hành vào GDP toàn cầu đạt khoảng 11,6 nghìn tỷ USD, tương đương 9,8% kinh tế thế giới; tốc độ tăng trưởng đạt 4,1%, cao hơn mức tăng trưởng chung toàn cầu 2,8% (WTTTC, 2026). Tuy nhiên, sự mở rộng du lịch cũng làm gia tăng áp lực lên hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, sinh kế và đời sống cộng đồng địa phương (Baloch và cộng sự, 2023; Mariam và cộng sự, 2024). Vì vậy, phát triển du lịch (PTDL) theo hướng bền vững trở thành định hướng quan trọng, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên, duy trì giá trị văn hóa – xã hội và nâng cao chất lượng sống của cư dân (Tang và Tan, 2018; United Nations, 2019; Han và cộng sự, 2023; Liu và cộng sự, 2025).

Về bản chất, PTDL bền vững là quá trình đa chủ thể, đòi hỏi sự tham gia của chính quyền, doanh nghiệp, cư dân, du khách và các tổ chức xã hội. Trong đó, cư dân địa phương giữ vị trí đặc biệt vì họ vừa chịu tác động trực tiếp từ du lịch, vừa tham gia bảo tồn tài nguyên, duy trì bản sắc văn hóa, hỗ trợ du khách, giám sát tác động tiêu cực và tạo dựng hình ảnh điểm đến (UNWTO, 2013; Ramkissoon, 2023; Page, 2025). Do đó, sự ủng hộ của cư dân là một chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ chấp nhận xã hội và nền tảng cộng đồng của PTDL bền vững.

Các nghiên cứu trước chủ yếu giải thích sự ủng hộ của cư dân dựa trên Lý thuyết Trao đổi xã hội, theo đó cư dân có xu hướng ủng hộ du lịch khi lợi ích cảm nhận vượt trội so với chi phí phải gánh chịu (Rasoolimanesh và cộng sự, 2015; Šegota và cộng sự, 2024). Nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của gắn bó cộng đồng, chất lượng cuộc sống, thái độ, sự tham gia, trao quyền và niềm tin vào chính quyền trong hình thành sự ủng hộ (Stylidis, 2018; Eslami và cộng sự, 2019; Han và cộng sự, 2023; Gautam và Bhalla, 2024; Kim và cộng sự, 2025; Phuong và cộng sự, 2025). Tuy vậy, vẫn còn thiếu các nghiên cứu tích hợp đồng thời các yếu tố nhận thức, tâm lý – xã hội, cộng đồng và thể chế, đặc biệt trong bối cảnh các địa phương đang phục hồi và tái cấu trúc du lịch sau khủng hoảng.

Tại Việt Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng, khoảng trống này càng rõ nét khi các nghiên cứu hiện có chủ yếu mô tả thực trạng hoặc phân tích tác động du lịch ở mức khái quát, chưa kiểm định đầy đủ các quan hệ trực tiếp, gián tiếp và điều tiết giữa lợi ích cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự tham gia, gắn bó cộng đồng, thái độ và niềm tin vào chính quyền. Việc vận dụng PLS-SEM cho phép kiểm định mô hình lý thuyết tích hợp, nhận diện các nhân tố có năng lực dự báo cao đối với sự ủng hộ của cư dân và xác định các điểm đòn bẩy chính sách trong quản trị điểm đến (Hair và cộng sự, 2019). Trong bối cảnh Quảng Ngãi, nơi PTDL gắn với biển đảo, di sản văn hóa, sinh kế cộng đồng và tài nguyên bản địa, nghiên cứu sự ủng hộ của cư dân có ý nghĩa thiết thực nhằm xây dựng chính sách du lịch bền vững, bao trùm và có trách nhiệm.

1.2. Về mặt thực tiễn

Trong bối cảnh phát triển bền vững tại Việt Nam, phát triển du lịch (PTDL) theo hướng bền vững đã được thể chế hóa qua nhiều định hướng chính sách quan trọng. Ở cấp quốc gia, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị xác định mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu PTDL chuyên nghiệp, bền vững. Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ đặt ra yêu cầu lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chính sách ngành, lĩnh vực và địa phương. Tiếp đó, Nghị quyết số 82/NQ-CP khẳng định yêu cầu phục hồi, tăng tốc PTDL hiệu quả, bền vững, bao trùm và có trách nhiệm.

Trong định hướng đó, Quảng Ngãi là địa phương có nhiều tiềm năng PTDL bền vững nhờ cấu trúc không gian đa dạng, gồm miền núi phía Tây, đồng bằng duyên hải và không gian biển đảo phía Đông. Các lợi thế về hệ sinh thái rừng, văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số, tài nguyên biển đảo Lý Sơn, di sản văn hóa và sinh kế bản địa tạo điều kiện hình thành sản phẩm du lịch sinh thái, văn hóa, cộng đồng, nghỉ dưỡng và trải nghiệm. Tuy nhiên, sự phân hóa không gian phát triển cũng đặt ra yêu cầu quản lý điểm đến chặt chẽ hơn, nhất là trong phân bổ lợi ích, kiểm soát tác động môi trường và tăng cường sự tham gia của cư dân.

Ở cấp địa phương, định hướng PTDL Quảng Ngãi được cụ thể hóa qua Nghị quyết số 05-NQ/TU năm 2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/03/2022; cùng các kế hoạch triển khai như Kế hoạch

số 12/KH-UBND năm 2024 và Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 25/04/2025. Các văn bản này cho thấy PTDL bền vững tại Quảng Ngãi không chỉ là định hướng kinh tế – xã hội, mà còn là nhiệm vụ chính sách gắn với bảo vệ tài nguyên, gìn giữ bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống cư dân.

Tuy vậy, thực tiễn PTDL tại Quảng Ngãi vẫn còn hạn chế về hạ tầng, chất lượng dịch vụ, mô hình du lịch cộng đồng, cơ chế chia sẻ lợi ích và bảo vệ môi trường. Sự bất cân xứng giữa lợi ích và chi phí phát triển có thể ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ và mức độ ủng hộ của cư dân, nhất là tại các khu vực biển đảo, miền núi và vùng ven. Khi cư dân chưa cảm nhận rõ lợi ích, thiếu cơ hội tham gia hoặc chưa tin tưởng vào cơ chế quản lý, đồng thuận xã hội đối với PTDL bền vững khó được duy trì.

Vì vậy, luận án tiếp cận PTDL bền vững thông qua sự ủng hộ của cư dân địa phương. Cách tiếp cận này xuất phát từ vai trò nền tảng của cư dân trong chấp nhận xã hội, bảo tồn tài nguyên, duy trì bản sắc, hỗ trợ du khách và giám sát tác động tiêu cực của du lịch. Việc xác định tác động của sự tham gia, lợi ích du lịch cảm nhận, chất lượng cuộc sống, gắn bó cộng đồng, thái độ và niềm tin vào chính quyền đối với sự ủng hộ của cư dân có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó, luận án lựa chọn đề tài **“Các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững”**, nhằm làm rõ cơ chế tác động của các yếu tố cá nhân, cộng đồng và thể chế, đồng thời gợi mở hàm ý chính sách phù hợp với đặc thù Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của luận án là xây dựng và kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững; qua đó làm rõ cơ chế hình thành sự ủng hộ của cư dân trên cơ sở tương tác giữa các nhân tố nhận thức, thái độ, cộng đồng và niềm tin. Từ kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất các hàm ý chính sách nhằm gia tăng sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu chung, luận án hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, xác lập cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững;

Thứ hai, nhận diện, hiệu chỉnh và kiểm định hệ thống thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững;

Thứ ba, phân tích và kiểm định mức độ tác động của các nhân tố như sự tham gia của cư dân vào du lịch, nhận thức về lợi ích du lịch, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, thái độ của cư dân đối với PTDL và niềm tin vào chính quyền địa phương đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững;

Thứ tư, phân tích vai trò trung gian và điều tiết của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, đặc biệt là vai trò trung gian của thái độ của cư dân đối với PTDL và vai trò điều tiết của niềm tin vào chính quyền địa phương, qua đó làm rõ cơ chế tác động giữa các nhân tố nhận thức, tâm lý – xã hội và sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững;

Thứ năm, đề xuất các hàm ý chính sách nhằm tăng cường sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Xuất phát từ mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của luận án, nghiên cứu tập trung giải quyết các câu hỏi sau:

Câu hỏi 1. Những nền tảng lý thuyết nào có thể được vận dụng để xây dựng mô hình giải thích sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững?

Câu hỏi 2. Các nhân tố gồm sự tham gia của cư dân vào du lịch, nhận thức về lợi ích du lịch, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, thái độ của cư dân đối với PTDL ảnh hưởng như thế nào đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững?

Câu hỏi 3. Thái độ của cư dân đối với PTDL đóng vai trò trung gian và niềm tin vào chính quyền địa phương có vai trò điều tiết như thế nào trong mô hình nghiên cứu, và kết quả này gợi ra những hàm ý chính sách nào nhằm tăng cường sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Trong phạm vi nghiên cứu, các nhân tố được xem xét bao gồm: sự tham gia của cư dân địa phương vào du lịch, nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch,

chất lượng cuộc sống, sự gắn bó của cư dân với cộng đồng, thái độ của cư dân đối với PTDL và niềm tin vào chính quyền địa phương. Biện kết quả của mô hình là sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Về bản chất, PTDL theo hướng bền vững là một quá trình có sự tham gia và phối hợp của nhiều bên liên quan, bao gồm chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cư dân địa phương, khách du lịch và các tổ chức xã hội. Mỗi chủ thể có vai trò, trách nhiệm và mức độ ảnh hưởng khác nhau trong việc hoạch định chính sách, đầu tư phát triển, khai thác tài nguyên, cung ứng dịch vụ, sử dụng sản phẩm du lịch và bảo đảm sự phát triển bền vững của điểm đến. Do đó, sự ủng hộ đối của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững là kết quả của sự đồng thuận và tham gia của nhiều nhóm chủ thể, chứ không chỉ của một bên liên quan.

Trong luận án này, sự tham gia của cư dân địa phương vào du lịch được hiểu là mức độ cư dân tham gia vào các hoạt động du lịch, quá trình tham vấn, ra quyết định hoặc các hoạt động liên quan đến PTDL tại địa phương. Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch phản ánh mức độ cư dân đánh giá các lợi ích kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường mà du lịch mang lại cho cá nhân, cộng đồng và địa phương. Chất lượng cuộc sống thể hiện đánh giá chủ quan của cư dân về mức độ hài lòng và thỏa mãn đối với cuộc sống hiện tại. Sự gắn bó của cư dân với cộng đồng phản ánh mức độ liên kết tình cảm, sự đồng nhất hóa và cam kết lâu dài của cư dân đối với nơi cư trú. Thái độ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững thể hiện đánh giá tổng thể của cư dân về tính phù hợp, cần thiết và lợi ích của định hướng PTDL. Niềm tin vào chính quyền địa phương phản ánh mức độ cư dân tin tưởng vào năng lực, thiện chí, tính minh bạch và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý và điều phối PTDL. Trên cơ sở đó, sự ủng hộ của cư dân địa phương được hiểu là mức độ đồng thuận, sẵn sàng hợp tác và ủng hộ của cư dân đối với các chính sách, chương trình và dự án PTDL tại địa phương.

Đối tượng khảo sát của luận án là cư dân địa phương từ 18 tuổi trở lên, đang sinh sống tại các địa bàn nghiên cứu thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Nhóm cư dân được khảo sát bao gồm những người tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, những người hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp từ du lịch, cũng như những cư dân đang sinh sống trong không gian chịu tác động của quá trình PTDL. Cách xác định đối tượng khảo sát này cho phép luận án phản ánh đa dạng nhận thức, thái độ, trải nghiệm và mức độ ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi không gian, nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi trước khi sáp nhập, trong đó tập trung vào bốn địa bàn đại diện: thành phố Quảng Ngãi, Lý Sơn, Sa Huỳnh và Ba Tơ. Các địa bàn này được lựa chọn có chủ đích nhằm phản ánh những không gian PTDL khác nhau của tỉnh, bao gồm: trung tâm đô thị – dịch vụ, biển đảo, ven biển – văn hóa và miền núi – cộng đồng. Cách lựa chọn này cho phép luận án bao quát sự khác biệt về điều kiện PTDL, mức độ tham gia của cư dân, khả năng tiếp cận lợi ích du lịch, cũng như đặc điểm kinh tế – xã hội và văn hóa của từng khu vực. Qua đó, nghiên cứu có thể phản ánh đa chiều hơn sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Về phạm vi thời gian, dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ các báo cáo, niên giám thống kê, văn bản quy hoạch, tài liệu quản lý và các công trình nghiên cứu liên quan đến PTDL, PTDL theo hướng bền vững và sự ủng hộ của cư dân địa phương. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát cư dân địa phương tại các địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng sơ bộ được triển khai trong giai đoạn tháng 7 đến tháng 8 năm 2024; nghiên cứu định lượng chính thức được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2025. Việc thu thập dữ liệu ở các thời điểm khác nhau nhằm hạn chế ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ, đồng thời góp phần nâng cao độ tin cậy và tính đại diện của dữ liệu khảo sát.

Về phạm vi nội dung, luận án tập trung phân tích các nhân tố cảm nhận ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Các nhân tố được xem xét bao gồm sự tham gia của cư dân vào du lịch, nhận thức về các lợi ích du lịch, chất lượng cuộc sống, gắn bó cộng đồng, thái độ đối với PTDL và niềm tin vào chính quyền địa phương. Luận án không nhằm đánh giá toàn diện mức độ bền vững của toàn bộ hệ thống du lịch Quảng Ngãi, cũng không khảo sát trực tiếp sự ủng hộ của tất cả các nhóm bên liên quan như chính quyền địa phương, doanh nghiệp hoặc du khách. Thay vào đó, luận án tập trung PTDL theo hướng bền vững thông qua góc nhìn của cư dân địa phương nhằm hiểu rõ cơ chế hình thành sự ủng hộ của nhóm chủ thể này đối với định hướng PTDL của địa phương.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed methods), kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Việc kết hợp hai phương pháp này nhằm bảo đảm quá trình xây dựng mô

hình, hiệu chỉnh thang đo và kiểm định giả thuyết nghiên cứu được thực hiện một cách chặt chẽ, phù hợp với bối cảnh nghiên cứu tại Quảng Ngãi. Trong đó, nghiên cứu định tính được sử dụng nhằm khám phá, điều chỉnh và bổ sung các khái niệm, biến quan sát và nội dung của các thang đo; nghiên cứu định lượng được sử dụng để kiểm định mô hình nghiên cứu và đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững.

5.1. Phương pháp thu thập và phân tích tài liệu

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn như niên giám thống kê, báo cáo chuyên đề, quy hoạch PTDL, báo cáo tổng kết của cơ quan quản lý nhà nước, văn bản pháp lý liên quan đến du lịch, các chương trình và đề án PTDL của Trung ương và địa phương. Ngoài ra, luận án khai thác các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến PTDL theo hướng bền vững, sự tham gia của cư dân, lợi ích cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, niềm tin vào chính quyền địa phương, thái độ và sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL.

Việc tổng hợp và phân tích tài liệu được thực hiện nhằm xác lập cơ sở lý thuyết, nhận diện khoảng trống nghiên cứu, lựa chọn các nhân tố đưa vào mô hình, xây dựng giả thuyết và thiết kế thang đo ban đầu. Đồng thời, dữ liệu thứ cấp về Quảng Ngãi được sử dụng để làm rõ bối cảnh nghiên cứu, đặc điểm địa bàn khảo sát và các vấn đề thực tiễn liên quan đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL.

5.2. Phương pháp nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được sử dụng nhằm khám phá, rà soát và hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu, thang đo và bảng hỏi khảo sát. Luận án thực hiện phỏng vấn chuyên gia và thảo luận nhóm tập trung với các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch, bao gồm nhà nghiên cứu, giảng viên, cán bộ quản lý nhà nước, đại diện doanh nghiệp du lịch và những người am hiểu thực tiễn PTDL tại Quảng Ngãi. Việc lựa chọn các đối tượng này nhằm bảo đảm sự đa dạng về góc nhìn học thuật, quản lý và thực tiễn trong quá trình hiệu chỉnh mô hình và thang đo nghiên cứu.

Nội dung nghiên cứu định tính tập trung vào các vấn đề: mức độ phù hợp của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu; sự rõ ràng và không trùng lặp của các khái niệm; khả năng đo lường các biến trong bối cảnh Quảng Ngãi; sự phù hợp của các biến quan sát trong thang đo; đồng thời nhận diện các yếu tố đặc thù của địa phương có thể ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, nghiên cứu định tính cũng được sử dụng để rà soát ngôn ngữ và cách diễn đạt của các biến quan sát nhằm bảo đảm người trả lời có thể hiểu rõ và phản ánh chính xác cảm nhận của mình trong quá trình khảo sát.

Kết quả nghiên cứu định tính được sử dụng để điều chỉnh mô hình, hoàn thiện bảng hỏi, hiệu chỉnh nội dung và từ ngữ của các biến quan sát, đồng thời bảo đảm thang đo phù hợp với ngữ cảnh nghiên cứu tại Quảng Ngãi. Đối với hệ thống thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu trước, luận án tiến hành đối chiếu, chọn lọc và hiệu chỉnh trên cơ sở ý kiến chuyên gia nhằm bảo đảm tính phù hợp về mặt học thuật và thực tiễn. Đồng thời, luận án trình bày rõ nguồn gốc của từng thang đo, các biến quan sát gốc, nội dung hiệu chỉnh và nguồn kế thừa nhằm bảo đảm tính minh bạch trong quá trình xây dựng công cụ đo lường. Cách tiếp cận này góp phần hạn chế sự chồng lấn giữa các khái niệm nghiên cứu như sự tham gia của cư dân, thái độ đối với PTDL và sự ủng hộ của cư dân địa phương.

5.3. Phương pháp nghiên cứu định lượng

Nghiên cứu định lượng được thực hiện qua hai giai đoạn: khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức. Ở giai đoạn khảo sát sơ bộ, dữ liệu được thu thập từ cư dân địa phương tại các địa bàn nghiên cứu nhằm đánh giá sơ bộ độ tin cậy và tính phù hợp của thang đo, đồng thời điều chỉnh bảng hỏi trước khi triển khai khảo sát chính thức. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu sơ bộ, bảng hỏi được tiếp tục hoàn thiện để sử dụng cho giai đoạn khảo sát chính thức.

Ở giai đoạn khảo sát chính thức, luận án tiến hành thu thập dữ liệu từ 760 bảng hỏi hợp lệ của cư dân địa phương tại tỉnh Quảng Ngãi. Đối tượng khảo sát bao gồm các nhóm cư dân có mức độ tham gia và mức độ hưởng lợi khác nhau từ hoạt động du lịch nhằm phản ánh đa dạng hơn cảm nhận và mức độ ủng hộ của cộng đồng địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững.

Dữ liệu khảo sát được phân tích bằng các phần mềm SPSS 32.0 và SmartPLS 4.0. Trước hết, luận án tiến hành kiểm kê mô tả mẫu nghiên cứu và các biến quan sát nhằm nhận diện điểm yếu người trả lời và xu hướng cảm nhận của cư dân địa phương đối với các vấn đề liên quan đến PTDL. Tiếp theo, mô hình đo lường được đánh giá thông qua các tiêu chí về độ tin cậy thang đo, giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của thang đo. Sau đó, mô hình cấu trúc được kiểm định bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM) thông qua phần mềm SmartPLS nhằm đánh giá mức độ và chiều tác động của các nhân tố đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Việc lựa chọn PLS-SEM phù hợp với mục tiêu nghiên cứu vì mô hình có nhiều biến tiềm ẩn, có các quan hệ trực tiếp và gián tiếp giữa các biến, đồng thời hướng tới mục tiêu giải thích và dự báo sự ủng hộ của cư dân địa phương. Bên cạnh đó, do dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự báo cáo tại cùng một thời điểm, luận án tiến hành kiểm tra sai lệch phương pháp chung (Common Method Bias – CMB) thông qua các kiểm định phù hợp nhằm nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Đối với các quan hệ trung gian, luận án thực hiện kiểm định tác động gián tiếp và xác định mức độ trung gian thông qua chỉ số VAF.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Về mặt lý luận, luận án góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho nghiên cứu sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững trong bối cảnh các điểm đến cấp địa phương tại Việt Nam. Nghiên cứu giúp làm rõ mối quan hệ giữa các nhân tố nhận thức, tâm lý – xã hội và thể chế trong việc hình thành thái độ và hành vi ủng hộ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững. Qua đó, luận án góp phần mở rộng cách tiếp cận nghiên cứu sự ủng hộ của cư dân địa phương từ góc độ đa chiều, thay vì chỉ tập trung vào khía cạnh lợi ích kinh tế như nhiều nghiên cứu trước đây.

Luận án cũng góp phần hệ thống hóa và làm rõ nội hàm của các khái niệm liên quan đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững, bao gồm: sự tham gia của cư dân vào du lịch, nhận thức về lợi ích du lịch, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, thái độ đối với PTDL theo hướng bền vững, niềm tin vào chính quyền địa phương và sự ủng hộ của cư dân địa phương. Việc làm rõ các khái niệm này góp phần hạn chế sự chồng lấn giữa các cấu trúc nghiên cứu, đồng thời tạo cơ sở cho việc vận dụng và phát triển thang đo trong các nghiên cứu tiếp theo về du lịch bền vững và cộng đồng địa phương.

Bên cạnh đó, nghiên cứu góp phần củng cố cơ sở lý thuyết cho việc vận dụng kết hợp Lý thuyết trao đổi xã hội (SET), Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và lý thuyết các bên liên quan (ST) trong nghiên cứu PTDL theo hướng bền vững. Thông qua việc xem xét đồng thời các yếu tố nhận thức lợi ích, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, thái độ và niềm tin vào chính quyền địa phương, luận án cho thấy sự ủng hộ của cư dân không chỉ được hình thành từ trao đổi lợi ích, mà còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tâm lý, xã hội và niềm tin thể chế. Điều này góp phần mở rộng cách giải thích hành vi ủng hộ của cư dân trong nghiên cứu du lịch bền vững.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm về sự ủng hộ của cư dân địa phương trong bối cảnh một địa phương đang định hướng PTDL theo hướng bền vững và có sự đa dạng về không gian du lịch như Quảng Ngãi. Qua đó, nghiên cứu góp phần mở rộng hiểu biết về cách thức cư dân cảm nhận, đánh giá và chuyển hóa các tác động của du lịch thành thái độ và hành vi ủng hộ đối với PTDL theo hướng bền vững trong điều kiện của các điểm đến đang phát triển tại Việt Nam.

Nhìn chung, nghiên cứu góp phần mở rộng khung khổ nghiên cứu về sự tham gia của cư dân trong PTDL, từ việc nhìn nhận cư dân như một nhóm chủ thể quan trọng của phát triển bền vững đến việc làm rõ mối liên hệ giữa sự tham gia của họ và mức độ ủng hộ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Về mặt thực tiễn, luận án kỳ vọng cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững từ góc độ cư dân địa phương. Kết quả nghiên cứu giúp nhận diện những nhân tố có tác động mạnh đến sự ủng hộ của cư dân, từ đó hỗ trợ chính quyền địa phương và các bên liên quan thiết kế các chính sách, chương trình và giải pháp PTDL phù hợp hơn với nhu cầu, lợi ích và kỳ vọng của cộng đồng địa phương.

Các hàm ý chính sách của luận án có thể góp phần tăng cường sự tham gia thực chất của cư dân vào hoạt động du lịch, cải thiện cơ chế phân bổ lợi ích, nâng cao chất lượng cuộc sống, củng cố sự gắn bó cộng đồng và gia tăng niềm tin vào chính quyền địa phương trong quá trình PTDL. Đây được xem là những điều kiện quan trọng nhằm đảm bảo PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo tồn tài nguyên, gìn giữ văn hóa và duy trì sự đồng thuận xã hội tại địa phương.

Bên cạnh đó, luận án gợi mở một số hàm ý quản trị phù hợp đối với đặc điểm của các không gian du lịch khác nhau trong tỉnh Quảng Ngãi, như đô thị – dịch vụ, biển đảo, ven biển – di sản và miền núi – cộng đồng. Các hàm ý này có thể hỗ trợ địa phương xây dựng chính sách PTDL phù hợp hơn với điều kiện tài nguyên, đặc điểm cộng đồng và mức độ tham gia của cư dân tại từng khu vực.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng kỳ vọng trở thành nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý và các địa phương có đặc điểm tương đồng với Quảng Ngãi, đặc biệt là các

tin cậy PTDL dựa trên tài nguyên biển đảo, văn hóa, sinh thái và cộng đồng nhưng còn đối mặt với thách thức về sự tham gia và ủng hộ của cư dân địa phương đối với quá trình PTDL theo hướng bền vững.

Nhìn chung, nghiên cứu trường hợp Quảng Ngãi góp phần làm rõ cơ sở lý luận về PTDL cộng đồng trong bối cảnh địa phương còn hạn chế sự tham gia của các nguồn đầu tư bên ngoài. Qua đó, đề tài giúp nhận diện vai trò và quyền chủ động của cộng đồng cư dân trong PTDL, đồng thời cung cấp luận cứ thực tiễn cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách PTDL địa phương theo hướng bền vững.

7. Kết cấu của luận án

Chương 1: Cơ sở lý luận về sự ủng hộ của cư dân địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững;

Chương 2: Tổng quan và mô hình nghiên cứu;

Chương 3: Địa bàn và phương pháp nghiên cứu;

Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận.

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CƯ DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

1.1. Phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.1.1. Phát triển bền vững

Luận án không tiếp cận phát triển bền vững như một khái niệm chung chung, mà sử dụng khái niệm này như nền tảng lý luận để giải thích vì sao PTDL cần được đánh giá thông qua mối quan hệ giữa điểm đến và cư dân địa phương. Đây là bước chuyển quan trọng từ lý luận phát triển bền vững sang nghiên cứu cụ thể về sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững.

1.1.2. Phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững vừa là mục tiêu, vừa là khuôn khổ định hướng cho hoạt động quản trị điểm đến. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều địa phương đang trong quá trình chuyển đổi, trong đó có Quảng Ngãi, việc sử dụng khái niệm “phát triển du lịch theo hướng bền vững” là phù hợp hơn, vì khái niệm này nhấn mạnh tiến trình cải thiện liên tục, khả năng thích ứng và vai trò của các bên liên quan trong việc từng bước hiện thực hóa các mục tiêu bền vững.

1.1.3. Phát triển du lịch theo hướng bền vững

Phát triển du lịch theo hướng bền vững là khái niệm phù hợp để nghiên cứu bối cảnh các điểm đến đang trong quá trình chuyển đổi. Nó cho phép luận án phân tích sự ủng hộ của cư dân như phản ứng đối với một tiến trình phát triển cụ thể, thay vì phản ứng đối với một trạng thái lý tưởng khó đạt được. Đây là cơ sở quan trọng để kết nối chương lý luận với mô hình nghiên cứu.

1.1.4. Phân biệt phát triển du lịch theo hướng bền vững, phát triển du lịch bền vững và du lịch xanh

1.1.5. Các nguyên tắc và trụ cột phát triển du lịch

1.1.5.1. Các nguyên tắc phát triển du lịch theo hướng bền vững

Thứ nhất, bảo vệ tài nguyên và môi trường; Thứ hai, tôn trọng và bảo tồn các giá trị văn hóa – xã hội của cộng đồng địa phương; Thứ ba, bảo đảm lợi ích kinh tế dài hạn và phân phối lợi ích công bằng; Thứ tư, bảo đảm sự tham gia thực chất của cộng đồng địa phương; Thứ năm, tăng cường quản trị phối hợp giữa các bên liên quan.

1.1.5.2. Các trụ cột của phát triển du lịch theo hướng bền vững

Trụ cột kinh tế; Trụ cột văn hóa – xã hội; Trụ cột môi trường. Ba trụ cột kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường có quan hệ tương tác chặt chẽ.

1.1.5.3. Một số mô hình phát triển du lịch theo hướng bền vững

Mô hình VICE; Mô hình phát triển du lịch bền vững của ILO.

1.1.5.4. Vai trò các bên liên quan trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Phát triển du lịch theo hướng bền vững là một tiến trình có sự tham gia của nhiều bên liên quan. Các chủ thể như chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch, cư dân địa phương, du khách, tổ chức xã hội và cơ sở đào tạo đều có vai trò nhất định trong quá trình định hướng, thực thi, giám sát và thụ hưởng kết quả PTDL.

1.1.5.5. Sự tham gia và ủng hộ của cộng đồng địa phương trong hiện thực hóa các trụ cột bền vững

1.2. Sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.2.1. Cư dân địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.2.1.1. Khái niệm cư dân địa phương và cộng đồng địa phương

Trong nghiên cứu PTDL bền vững, hai khái niệm “cư dân địa phương” (local residents) và “cộng đồng địa phương” (local community) thường được sử dụng song song, nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Việc phân biệt rõ hai khái niệm này có ý nghĩa quan trọng đối với cả cơ sở lý luận và thiết kế nghiên cứu của luận án.

1.2.1.2. Vai trò của cư dân địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Cư dân địa phương đóng vai trò quan trọng trong PTDL theo hướng bền vững vì họ vừa chịu tác động từ du lịch, vừa tham gia tạo lập, duy trì và giám sát quá trình phát triển điểm đến.

1.2.1.3. Sự tham gia của cư dân địa phương vào phát triển du lịch

Sự tham gia của cư dân địa phương vào PTDL là quá trình trong đó cư dân được cung cấp thông tin, được tham vấn, được tham gia ra quyết định, tham gia thực hiện, giám sát và hưởng lợi từ các hoạt động PTDL tại địa phương.

1.2.2. Sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.2.2.1. Khái niệm sự ủng hộ của cư dân địa phương

1.2.2.2. Vai trò của sự ủng hộ cư dân trong phát triển du lịch

Sự ủng hộ của cư dân có vai trò quan trọng trong việc duy trì đồng thuận xã hội, tăng hiệu quả thực thi chính sách, nâng cao chất lượng trải nghiệm du khách và bảo đảm tính bền vững của điểm đến. Trong PTDL theo hướng bền vững, cư dân không chỉ là đối tượng được vận động để ủng hộ, mà còn là chủ thể đồng hành trong quá trình tạo lập giá trị và quản trị điểm đến.

1.2.2.3. Các biểu hiện của sự ủng hộ cư dân

Sự ủng hộ của cư dân địa phương có thể được biểu hiện qua nhiều cấp độ khác nhau, từ nhận thức, thái độ, ý định đến hành vi.

1.2.2.4. Đo lường sự ủng hộ của cư dân địa phương

Đo lường sự ủng hộ không chỉ nhằm xác định mức độ đồng thuận của cư dân, mà còn phản ánh khả năng cư dân tham gia, hợp tác và duy trì PTDL trong dài hạn.

1.3. Các lý thuyết nền trong nghiên cứu sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.3.1. Lý thuyết trao đổi xã hội

1.3.2. Lý thuyết hành vi có kế hoạch

1.3.3. Lý thuyết các bên liên quan

1.3.4. Khung tích hợp lý thuyết cho nghiên cứu

Ba lý thuyết nền được sử dụng trong luận án có vai trò bổ trợ cho nhau. Lý thuyết trao đổi xã hội giải thích vì sao cư dân hình thành nhận thức tích cực hoặc tiêu cực dựa trên lợi ích và chi phí cảm nhận. Lý thuyết hành vi có kế hoạch giải thích cách nhận thức và thái độ chuyển hóa thành ý định và hành vi ủng hộ. Lý thuyết các bên liên quan giải thích bối cảnh quản trị, vai trò chủ thể, niềm tin và sự tham gia của cư dân trong quá trình PTDL. Sự tích hợp ba lý thuyết này giúp mô hình nghiên cứu có nền tảng lý luận chặt chẽ hơn, đồng thời phù hợp với bản chất đa chiều của sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững.

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.4.1. Nhóm nhân tố nhận thức về tác động du lịch

1.4.2. Nhóm nhân tố xã hội - tâm lý

1.4.3. Nhóm nhân tố về thái độ và ý định hành vi

1.4.4. Nhóm nhân tố tham gia và quản trị

1.4.5. Nhóm nhân tố hạn chế, khó khăn không tích cực ảnh hưởng đến ủng hộ đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.5. Tóm tắt chương 1

CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu sự ủng hộ phát triển du lịch theo hướng bền vững

2.1.1. Ủng hộ phát triển du lịch theo hướng bền vững theo cách tiếp cận đa chủ thể

Sự ủng hộ PTDL theo hướng bền vững là một vấn đề rộng, bao gồm sự đồng thuận, hợp tác và cam kết của nhiều nhóm bên liên quan. Tuy nhiên, trong phạm vi luận án này, nghiên cứu tập trung vào sự

ủng hộ của cư dân địa phương như một lát cắt quan trọng trong tổng thể sự ủng hộ đối với PTDL theo hướng bền vững. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của luận án, bởi cư dân là nhóm chịu tác động trực tiếp, có khả năng phản ánh mức độ chấp nhận xã hội và có vai trò thực tiễn trong việc duy trì tính bền vững của điểm đến.

2.1.2. Ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

Các nghiên cứu về sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL thường xuất phát từ giả định rằng cư dân không chỉ là nhóm chịu tác động, mà còn là một chủ thể có khả năng thúc đẩy hoặc cản trở quá trình phát triển điểm đến.

2.2. Tổng quan nghiên cứu quốc tế

2.2.1. Xu hướng nghiên cứu quốc tế về sự ủng hộ của cư dân địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững giai đoạn 2020 đến 2024

2.2.2. Các hướng tiếp cận nghiên cứu quốc tế về các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân đối địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Các nghiên cứu trên thế giới gần đây về sự ủng hộ của cư dân trong PTDL theo hướng bền vững đã xác định một số nhóm nhân tố cốt lõi, bao gồm: (i) tác động và lợi ích của du lịch đối với các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường; (ii) hình ảnh cộng đồng và sự gắn kết với nơi chốn; (iii) chất lượng cuộc sống; (iv) niềm tin vào chính quyền; (v) sự tham gia của cư dân, cùng với các nhân tố tâm lý – xã hội như thái độ, kiến thức, sự đoàn kết cảm xúc và cam kết cộng đồng.

2.2.3. Nhận xét về nghiên cứu quốc tế

Thứ nhất, sự đa dạng về bối cảnh nghiên cứu; *Thứ hai*, các nhân tố chủ đạo ảnh hưởng đến sự ủng hộ bao gồm nhận thức tác động du lịch (kinh tế, xã hội–văn hóa, môi trường), hình ảnh nơi chốn, gắn bó cộng đồng, chất lượng cuộc sống, tham gia và trao quyền cư dân, niềm tin vào chính quyền, cũng như các yếu tố cảm xúc và đoàn kết xã hội; *Thứ ba*, lý thuyết nền tảng và phương pháp luận thường dựa trên Lý thuyết trao đổi xã hội, được mở rộng bằng các lý thuyết bổ sung như Bottom-up Spillover, Empowerment Theory, Emotional Solidarity Framework, Perceived Value hay Knowledge – Attitude – Practice (KAP).

2.3. Tổng quan nghiên cứu tại Việt Nam

2.3.1. Xu hướng nghiên cứu tại Việt Nam về sự ủng hộ của cư dân địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững giai đoạn 2020 đến 2024

2.3.2. Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương trong phát triển du lịch theo hướng bền vững tại Việt Nam

Thứ nhất, nhóm nhân tố nhận thức về tác động du lịch; *Thứ hai*, nhóm nhân tố tâm lý – xã hội và lợi ích cá nhân; *Thứ ba*, nhóm nhân tố tham gia và gắn kết cộng đồng.

2.3.3. Nhận xét về nghiên cứu trong nước

Các nghiên cứu trong nước khẳng định rằng sự ủng hộ của cư dân là kết quả tổng hợp của nhận thức, thái độ, ý định và hành vi, chịu ảnh hưởng bởi lợi ích kinh tế – xã hội, gắn bó cộng đồng, chất lượng cuộc sống, tham gia và quyền năng cư dân. Kết quả này cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng mô hình nghiên cứu hiện đại cho bối cảnh Việt Nam, đồng thời gợi ý các chính sách và cơ chế tăng cường sự tham gia và ủng hộ của cộng đồng trong PTDL bền vững.

2.4. Khoảng trống nghiên cứu

Một là, thiếu mô hình kết hợp các lý thuyết SET, TPB và ST để đưa ra những giải thích rõ hơn về sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL bền vững; *Hai là*, vai trò trung gian của thái độ cư dân đối với PTDL bền vững và vai trò điều tiết niềm tin vào chính quyền địa phương; *Ba là*, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về sự không đồng nhất trong cộng đồng cư dân, đặc biệt là trong bối cảnh các điểm đến du lịch mới nổi như tỉnh Quảng Ngãi.

2.5. Cơ sở đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu

2.5.1. Cơ sở đề xuất mô hình

2.5.1.1. Sự tham gia cư dân vào du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

2.5.1.2. Nhận thức cư dân về các lợi ích du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

2.5.1.3. Chất lượng cuộc sống cư dân và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

2.5.1.4. Sự gắn bó cư dân với cộng đồng và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững

2.2.1.5. *Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững*

2.2.1.6. *Niềm tin vào chính quyền địa phương*

2.5.2. Các giả thuyết nghiên cứu

2.5.2.1. *Sự tham gia của cư dân vào du lịch*

Giả thuyết H1: Sự tham gia của cư dân vào du lịch có tác động tích cực đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H2: Sự tham gia của cư dân vào du lịch có tác động tích cực đến thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch.

Giả thuyết H3: Sự tham gia của cư dân vào du lịch có tác động tích cực đến nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch.

2.5.2.2. *Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch*

Giả thuyết H4: Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch có tác động tích cực đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H5: Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch có tác động tích cực đến thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch.

Giả thuyết H6: Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch có tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống của cư dân.

2.5.2.3. *Chất lượng cuộc sống của cư dân*

Giả thuyết H7: Chất lượng cuộc sống của cư dân có tác động tích cực đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H8: Chất lượng cuộc sống của cư dân có tác động tích cực đến thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch.

Giả thuyết H9: Chất lượng cuộc sống của cư dân có tác động tích cực đến sự gắn bó của cư dân với cộng đồng.

2.2.5.4. *Sự gắn bó của cư dân với cộng đồng*

Giả thuyết H10: Sự gắn bó của cư dân với cộng đồng có tác động tích cực đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H11: Sự gắn bó của cư dân với cộng đồng có tác động tích cực đến thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch.

2.5.2.5. *Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch*

Giả thuyết H12: Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch có tác động tích cực đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H13a: Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa sự tham gia của cư dân vào du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H13b: Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H13c: Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa chất lượng cuộc sống của cư dân và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H13d: Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa sự gắn bó của cư dân với cộng đồng và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

2.5.2.6. *Niềm tin vào chính quyền địa phương*

Giả thuyết H14a: Niềm tin vào chính quyền địa phương có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa sự tham gia của cư dân vào du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H14b: Niềm tin vào chính quyền địa phương có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

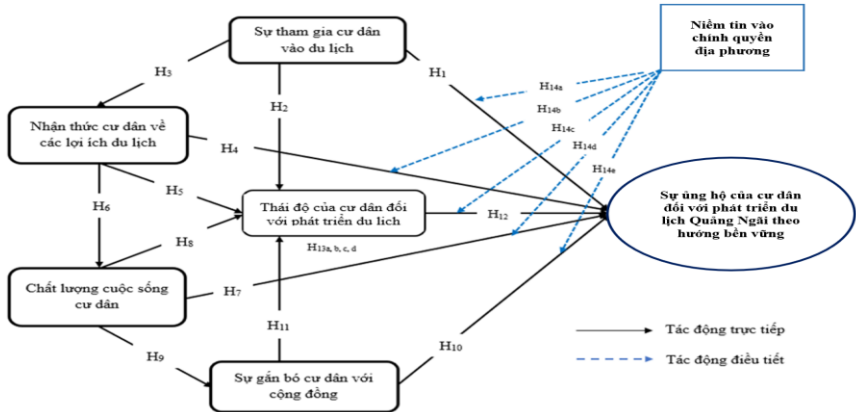
Giả thuyết H14c: Niềm tin vào chính quyền địa phương có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H14d: Niềm tin vào chính quyền địa phương có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa chất lượng cuộc sống cư dân và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

Giả thuyết H14e: Niềm tin vào chính quyền địa phương có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa sự gắn bó cư dân với cộng đồng và sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững.

2.6. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.6.1. Mô hình đề xuất



Hình 2.1. Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả nghiên cứu và đề xuất, 2024.

2.6.2. Những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu

2.7. Tóm tắt chương 2

CHƯƠNG 3. ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Bối cảnh địa bàn nghiên cứu tỉnh Quảng Ngãi

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, và kinh tế - xã hội

3.1.2. Văn hóa, cộng đồng và tài nguyên du lịch

3.1.3. Cơ sở chính sách và định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững

3.2. Hiện trạng phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững

3.2.1. Tình hình khai thác khách du lịch trong giai đoạn 2010 – 2024

3.2.2. Doanh thu từ ngành du lịch mang lại trong giai đoạn 2010 – 2024

3.2.3. Cơ cấu thị trường khách du lịch ở tỉnh Quảng Ngãi

3.2.4. Dữ liệu thống kê phản ánh bối cảnh phát triển du lịch Quảng Ngãi sau hợp nhất đến tháng 06/2026

3.2.5. Những thuận lợi, hạn chế và điểm nghẽn trong phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững

3.2.6. Mối liên hệ giữa thực tiễn phát triển du lịch Quảng Ngãi và các biến trong mô hình nghiên cứu

3.3. Phân tích chiến lược phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững bằng ma trận TOWS

3.4. Lựa chọn địa bàn khảo sát và ý nghĩa đối với mô hình nghiên cứu

3.5. Phương pháp nghiên cứu

3.5.1. Thiết kế nghiên cứu

3.5.2. Nghiên cứu định tính

3.5.3. Nghiên cứu định lượng

3.5.4. Quy trình nghiên cứu của luận án

3.6. Xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi

3.6.1. Thang đo gốc tiếng Anh, quy trình chuyển ngữ và điều chỉnh thang đo theo bối cảnh nghiên cứu tại Quảng Ngãi

Thang đo “Sự tham gia cư dân vào du lịch”

Thang đo “Nhận thức cư dân về các lợi ích du lịch”

Thang đo “Chất lượng cuộc sống cư dân”

Thang đo “Sự gắn bó cư dân với cộng đồng”

Thang đo “Thái độ của cư dân đối với phát triển du lịch”

Thang đo “Niềm tin vào chính quyền địa phương”

Thang đo “Sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững”

3.6.2. Quy trình xây dựng thang đo và bảng hỏi khảo sát

3.7. Tiến hành khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu

3.7.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát là cư dân địa phương từ 18 tuổi trở lên, đang sinh sống tại các địa bàn nghiên cứu thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Người trả lời được lựa chọn vì họ là nhóm chủ thể chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoạt động du lịch, có khả năng cảm nhận lợi ích, chi phí, chất lượng cuộc sống, mức độ tham gia, niềm tin vào chính quyền địa phương và sự ủng hộ đối với định hướng PTDL của địa phương.

3.7.2. Địa bàn khảo sát

Địa bàn khảo sát gồm bốn khu vực: TP. Quảng Ngãi, Lý Sơn, Sa Huỳnh và Ba Tơ. TP. Quảng Ngãi đại diện cho không gian đô thị - dịch vụ; Lý Sơn đại diện cho không gian biển đảo có mức độ PTDL cao; Sa Huỳnh đại diện cho du lịch ven biển gắn với văn hóa - di sản; Ba Tơ đại diện cho du lịch miền núi, sinh thái và cộng đồng. Sự lựa chọn này giúp nghiên cứu phản ánh sự khác biệt về mức độ PTDL, cơ hội tham gia, mức độ hưởng lợi và cảm nhận tác động giữa các nhóm cư dân địa phương.

3.7.3. Thiết kế chọn mẫu và phân bố quy mô mẫu

3.7.3.1. Thiết kế chọn mẫu

Trong các nghiên cứu định lượng, việc xác định chính xác quy mô mẫu đóng vai trò tiên quyết nhằm bảo đảm độ tin cậy thống kê, đặc biệt khi hệ thống dữ liệu được sử dụng để phân tích Mô hình cấu trúc tuyến tính. Cơ mẫu không chỉ cần đáp ứng các tiêu chuẩn về độ mạnh thống kê mà còn phải đại diện cho đặc thù của tổng thể. Do đó, luận án áp dụng quy trình xác định cỡ mẫu của Cochran (1977).

3.7.3.2. Phân bố mẫu khảo sát thực địa

Trong điều kiện không có khung mẫu đầy đủ của toàn bộ cư dân địa phương tại bốn địa bàn, luận án không tuân bố sử dụng chọn mẫu ngẫu nhiên thuần túy. Khung phân bố mẫu được thiết lập dựa trên sự giao thoa của hai hệ quy chiếu cốt lõi: (1) Mức độ phát triển và định vị kinh tế - xã hội đặc thù của từng tiểu vùng sinh thái du lịch; (2) Tính đa dạng về phổ nhân khẩu học và mức độ sinh kế gắn liền với chuỗi giá trị du lịch của cư dân địa phương. Căn cứ vào quy mô $N = 784$, hệ thống mẫu được phân bố chiến lược vào bốn địa phương đại diện cho tỉnh Quảng Ngãi.

3.7.4. Thực hiện khảo sát và thu thập số liệu

Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc, phát trực tiếp tại bốn địa bàn khảo sát nhằm kiểm soát đối tượng và bảo đảm chất lượng trả lời. Người tham gia là cư dân từ 18 tuổi trở lên. Tổng cộng phát 784 phiếu, thu được 760 bảng hỏi hợp lệ đưa vào phân tích.

3.7.5. Phân tích và xử lý dữ liệu

3.7.6. Kiểm soát

Kiểm soát được sử dụng nhằm kiểm tra ảnh hưởng của các đặc điểm nền đến sự ủng hộ của cư dân. Theo khuyến nghị của Becker và cộng sự (2016), Bernerth và Aguinis (2016), kiểm soát cần có cơ sở lý thuyết và thực tiễn. Trong luận án này, các kiểm soát gồm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, thu nhập, nghề nghiệp, thời gian cư trú và mức độ tham gia vào hoạt động du lịch. Các biến này giúp phản ánh sự khác biệt giữa các nhóm cư dân trong bối cảnh Quảng Ngãi mà không làm lệch trọng tâm của mô hình cấu trúc.

3.8. Kết quả nghiên cứu định lượng sơ bộ

3.8.1. Thông tin nhân khẩu học mẫu nghiên cứu sơ bộ

Mẫu khảo sát sơ bộ với $N = 250$ cho thấy mẫu có sự phân bố tương đối đa dạng theo địa bàn: TP. Quảng Ngãi chiếm 39,6%, Lý Sơn 26,4%, Sa Huỳnh 19,6% và Ba Tơ 14,4%. Tỷ lệ giới tính tương đối cân bằng; nhóm tuổi tập trung nhiều ở nhóm lao động chính từ 25 đến 44 tuổi; 94% người tham gia sinh ra tại Quảng Ngãi; hơn 37,6% đã sống tại địa phương trên 25 năm. Cấu trúc này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu vì phản ánh người trả lời có mức độ gắn bó tương đối cao với cộng đồng địa phương.

3.8.2. Đánh giá độ tin cậy thang đo nghiên cứu sơ bộ

Bước đánh giá mô hình đo lường trong nghiên cứu định lượng sơ bộ đã xác tín tính chuẩn xác và độ tin cậy thống kê của toàn bộ hệ thống thang đo. Cụ thể, hệ số tải ngoài và tương quan biến – tổng của các cấu trúc khái niệm cùng biến điều tiết (RIT, PTB, QoL, CAT, TRUST, RAT, SSTD) đều thỏa mãn nghiêm ngặt các ngưỡng kiểm định phương pháp luận. Dữ liệu thực nghiệm không ghi nhận bất kỳ biến quan sát nào gây nhiễu cấu trúc hay có dấu hiệu tải ngược chiều, qua đó minh chứng rõ nét cho tính đơn hướng và sự hội tụ tuyệt đối với khung lý thuyết nền tảng. Nhờ tính ổn định vượt trội này, toàn bộ hệ thống biến quan sát được bảo toàn nguyên vẹn mà không đòi hỏi bất kỳ sự lược bỏ hay tinh chỉnh nào thêm (Phụ lục 15).

3.8.3. Kết quả đánh giá sơ bộ

Kết quả kiểm định định lượng sơ bộ đã xác tín độ tin cậy và giá trị đo lường của mô hình nghiên cứu. Toàn bộ các cấu trúc tiềm ẩn cốt lõi bao gồm Sự tham gia của cư dân vào du lịch, Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch, Chất lượng cuộc sống của cư dân, Sự gắn bó của cư dân với cộng đồng, Thái độ của cư dân đối với PTDL và Niềm tin vào chính quyền địa phương – đều ghi nhận hệ số tải nhân tố ở mức tối ưu, minh chứng cho tính ổn định khắt khe của hệ thống thang đo. Bóc tách sâu lớp dữ liệu thực nghiệm, nghiên cứu đã giải mã một cơ chế tác động đa chiều: sự can dự thực chất của cộng đồng vào chuỗi giá trị du lịch đóng vai trò "chất xúc tác" đánh thức nhận thức về lợi ích, nâng tầm chất lượng sống và thắt chặt tính gắn kết địa phương. Đặc biệt, "niềm tin chính quyền địa phương" nổi lên như một mỏ neo chiến lược, khẳng định rằng sự minh bạch và tính vị dân trong các quyết sách là điều kiện tiên quyết để thiết lập sự ủng hộ của cư dân.

3.9. Tóm tắt chương 3

CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Quy mô mẫu và quá trình làm sạch dữ liệu

Trong nghiên cứu chính thức, 784 bảng hỏi được phát trực tiếp cho cư dân địa phương tại bốn địa bàn khảo sát của tỉnh Quảng Ngãi. Do quá trình khảo sát được thực hiện trực tiếp và có kiểm tra tại thời điểm thu hồi phiếu, toàn bộ bảng hỏi phát ra được thu về. Sau khi rà soát dữ liệu, loại bỏ các bảng hỏi thiếu thông tin quan trọng, trả lời không nhất quán hoặc không đáp ứng tiêu chí chọn mẫu, 760 bảng hỏi hợp lệ được giữ lại để phân tích. Tỷ lệ phiếu hợp lệ đạt 96,94% so với tổng số phiếu phát ra, bảo đảm quy mô mẫu phù hợp cho các phân tích PLS-SEM tiếp theo.

4.1.2. Đặc điểm mẫu khảo sát

Mẫu khảo sát được phân bổ theo bốn địa bàn: TP. Quảng Ngãi, Lý Sơn, Sa Huỳnh và Ba Tơ, phản ánh các không gian du lịch đặc trưng của tỉnh. Người trả lời chủ yếu là cư dân gắn bó lâu dài, có mức độ tiếp xúc nhất định với du lịch; do đó, kết quả phản ánh cảm nhận của nhóm cư dân liên quan tại các địa bàn khảo sát.

4.2. Đánh giá mô hình đo lường

4.2.1. Độ tin cậy thang đo và giá trị hội tụ

Kết quả thực nghiệm xác nhận độ tin cậy và giá trị hội tụ của toàn bộ các cấu trúc khái niệm trong mô hình nghiên cứu (Phụ lục 16). Phân tích hệ số tải ngoài cho thấy các biến quan sát đều ghi nhận giá trị tối ưu và có ý nghĩa thống kê, cụ thể: Sự gắn bó của cư dân với cộng đồng (CAT: 0,779 – 0,864), Nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch (PTB: 0,721 – 0,871), Chất lượng cuộc sống của cư dân (QoL: 0,769 – 0,830), Thái độ của cư dân đối với PTDL (RAT: 0,753–0,856), Sự tham gia của cư dân vào du lịch (RIT: 0,826 – 0,859) và Sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững (SSTD: 0,764 – 0,829). Tương tự, biến điều tiết Niềm tin vào chính quyền địa phương (TRUST) ghi nhận hệ số tải từ 0,792 đến 0,822. Đáng lưu ý, các cấu trúc tương tác phục vụ kiểm định vai trò điều tiết (TRUST x CAT, PTB, QoL, RAT, RIT) đều đạt hệ số tải tuyệt đối (1,000), khẳng định tính hợp lệ về mặt kỹ thuật của thuật toán khởi tạo biến trong PLS-SEM. Nhìn chung, kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều đạt yêu cầu về độ tin cậy và giá trị hội tụ. Cronbach's Alpha dao động từ 0,799 đến 0,882; CR dao động từ 0,869 đến 0,910; AVE dao động từ 0,621 đến 0,707. Các giá trị này đều vượt ngưỡng chấp nhận, cho phép khẳng định rằng các biến quan sát có mức độ nhất quán nội tại tốt và hội tụ phù hợp quanh khái niệm tiềm ẩn tương ứng.

4.2.2. Giá trị phân biệt của các thang đo

Bảng 4.1. Kết quả kiểm định giá trị phân biệt của thang đo theo chỉ số HTMT và tiêu chuẩn Fornell-Larcker

	CAT	PTB	QoL	RAT	RIT	SSTD	TRUST	TRUST x CAT	TRUST x QoL	TRUST x RIT	TRUST x RAT	TRUST x PTB
Heterotrait – Monotrait (HTMT)												
CAT	–											
PTB	0,284	–										
QoL	0,295	0,375	–									
RAT	0,328	0,370	0,334	–								
RIT	0,238	0,401	0,290	0,265	–							
SSTD	0,462	0,506	0,498	0,786	0,350	–						
TRUST	0,231	0,255	0,586	0,246	0,256	0,352	–					
TRUST x CAT	0,130	0,064	0,220	0,249	0,100	0,306	0,283	–				
TRUST x QoL	0,179	0,195	0,511	0,157	0,254	0,177	0,419	0,364	–			
TRUST x RIT	0,095	0,222	0,285	0,230	0,193	0,257	0,188	0,199	0,357	–		
TRUST x RAT	0,248	0,274	0,191	0,027	0,247	0,303	0,033	0,012	0,032	0,086	–	
TRUST x PTB	0,062	0,316	0,219	0,257	0,223	0,245	0,156	0,216	0,324	0,464	0,086	–
Fornell-larcker criterion												
	CAT	PTB	QoL	RAT	RIT	SSTD	TRUST					
CAT	0,815											
PTB	0,251	0,793										
QoL	0,245	0,315	0,790									
RAT	0,278	0,316	0,272	0,803								
RIT	0,209	0,352	0,239	0,220	0,841							
SSTD	0,407	0,448	0,418	0,667	0,305	0,788						
TRUST	0,196	0,215	0,475	0,202	0,216	0,301	0,809					

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu, 2025.

4.2.3. Kiểm định đa cộng tuyến và sai lệch phương pháp chung

Kết quả cho thấy toàn bộ giá trị VIF đều thấp hơn 3,3; giá trị cao nhất trong các quan hệ cấu trúc là 1,865 và giá trị cao nhất trong các biến tương tác là 1,693. Do đó, mô hình không có dấu hiệu đa cộng tuyến nghiêm trọng. Đồng thời, kết quả này cho thấy sai lệch phương pháp chung không phải là mối đe dọa lớn đối với kết quả nghiên cứu theo tiêu chí collinearity-based assessment.

4.3. Đánh giá mô hình cấu trúc

4.3.1. Tác động trực tiếp đến sự ủng hộ của cư dân

Bảng 4.2. Kết quả đánh giá các mối quan hệ tác động trực tiếp

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số chuẩn hóa (β)	Mean	SD	Giá trị (t)	Giá trị (p)	Kết luận
H1	RIT -> SSTD	0,297	0,298	0,029	10,393	0,000	Chấp nhận
H2	RIT -> RAT	0,170	0,171	0,039	4,402	0,000	Chấp nhận
H3	RIT -> PTB	0,352	0,352	0,039	8,979	0,000	Chấp nhận
H4	PTB -> SSTD	0,434	0,435	0,029	15,129	0,000	Chấp nhận
H5	PTB -> RAT	0,257	0,258	0,037	6,945	0,000	Chấp nhận
H6	PTB -> QoL	0,315	0,316	0,039	8,115	0,000	Chấp nhận
H7	QoL -> SSTD	0,424	0,425	0,027	15,795	0,000	Chấp nhận
H8	QoL -> RAT	0,191	0,194	0,040	4,757	0,000	Chấp nhận
H9	QoL -> CAT	0,245	0,246	0,036	6,815	0,000	Chấp nhận
H10	CAT -> SSTD	0,242	0,243	0,023	10,465	0,000	Chấp nhận
H11	CAT -> RAT	0,176	0,175	0,038	4,640	0,000	Chấp nhận
H12	RAT -> SSTD	0,195	0,196	0,024	8,192	0,000	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

Kết quả kiểm định cho thấy tất cả các giả thuyết tác động trực tiếp đều được chấp nhận với $p < 0,001$. Trong đó, lợi ích du lịch cảm nhận (PTB $\rightarrow$ SSTĐ, $\beta = 0,434$) và chất lượng cuộc sống (QoL $\rightarrow$ SSTĐ, $\beta = 0,424$) là hai nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến sự ủng hộ của cư dân. Các nhân tố khác gồm sự tham gia vào du lịch, sự gắn bó cộng đồng và thái độ đối với PTDL theo hướng bền vững cũng có tác động tích cực. Kết quả này cho thấy cư dân Quảng Ngãi có xu hướng ủng hộ du lịch khi họ cảm nhận được lợi ích thiết thực, chất lượng sống được cải thiện và có cơ hội tham gia vào quá trình phát triển.

4.3.2. Tác động gián tiếp và kiểm định vai trò trung gian

Bảng 4.3. Kết quả kiểm định các tác động gián tiếp

Quan hệ gián tiếp	Hệ số chuẩn hóa (β)	SD	Giá trị (t)	Giá trị (p)	Kết luận
RIT $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,015	0,008	2,004	0,045	Có ý nghĩa thống kê
PTB $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,038	0,009	4,079	0,000	Có ý nghĩa thống kê
QoL $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,029	0,009	3,129	0,002	Có ý nghĩa thống kê
CAT $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,034	0,008	4,097	0,000	Có ý nghĩa thống kê
RIT $\rightarrow$ PTB $\rightarrow$ SSTĐ	0,092	0,013	7,185	0,000	Có ý nghĩa thống kê
RIT $\rightarrow$ PTB $\rightarrow$ QoL $\rightarrow$ SSTĐ	0,037	0,008	4,790	0,000	Có ý nghĩa thống kê
PTB $\rightarrow$ QoL $\rightarrow$ SSTĐ	0,106	0,015	7,013	0,000	Có ý nghĩa thống kê
QoL $\rightarrow$ CAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,051	0,009	5,696	0,000	Có ý nghĩa thống kê
RIT $\rightarrow$ PTB $\rightarrow$ QoL $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,003	0,001	2,741	0,006	Có ý nghĩa thống kê
RIT $\rightarrow$ PTB $\rightarrow$ QoL $\rightarrow$ CAT $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,001	0,000	2,738	0,006	Có ý nghĩa thống kê
PTB $\rightarrow$ QoL $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,009	0,003	2,965	0,003	Có ý nghĩa thống kê
PTB $\rightarrow$ QoL $\rightarrow$ CAT $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,003	0,001	3,060	0,002	Có ý nghĩa thống kê
QoL $\rightarrow$ CAT $\rightarrow$ RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,008	0,002	3,467	0,001	Có ý nghĩa thống kê

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

Bảng 4.4. Kiểm định mức độ trung gian thông qua chỉ số VAF

Biến tiền đề	Tác động trực tiếp	Tổng tác động gián tiếp	Tổng tác động	VAF	Diễn giải
RIT	0,297	0,148	0,445	33,3%	Trung gian bán phần
PTB	0,434	0,156	0,590	26,4%	Trung gian bán phần
QoL	0,424	0,088	0,512	17,2%	Trung gian yếu; tác động trực tiếp vẫn chiếm ưu thế
CAT	0,242	0,034	0,276	12,3%	Trung gian yếu; tác động trực tiếp vẫn chiếm ưu thế

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

4.3.3. Vai trò điều tiết của niềm tin vào chính quyền địa phương

Bảng 4.5. Kết quả đánh giá vai trò điều tiết của niềm tin vào chính quyền

Giả thuyết	Mối quan hệ điều tiết	Hệ số chuẩn hóa (β)	Giá trị trung bình (SD)	Giá trị (t)	Giá trị (p)	Kết luận
H14a	TRUST x RIT $\rightarrow$ SSTĐ	0,182	0,021	8,756	0,000	Chấp nhận
H14b	TRUST x PTB $\rightarrow$ SSTĐ	0,154	0,021	7,331	0,000	Chấp nhận
H14c	TRUST x QoL $\rightarrow$ SSTĐ	0,223	0,023	9,612	0,000	Chấp nhận
H14d	TRUST x CAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,229	0,022	10,490	0,000	Chấp nhận
H14e	TRUST x RAT $\rightarrow$ SSTĐ	0,132	0,023	5,854	0,000	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

Kết quả hiệu ứng điều tiết cho thấy niềm tin vào chính quyền làm tăng cường tác động của các nhân tố đến sự ủng hộ của cư dân, trong đó mạnh nhất là sự gắn bó cộng đồng ($\beta = 0,229$), tiếp đến là chất lượng cuộc sống ($\beta = 0,223$), sự tham gia vào du lịch ($\beta = 0,182$), lợi ích cảm nhận ($\beta = 0,154$) và thái độ đối với PTDL theo hướng bền vững ($\beta = 0,132$). Điều này hàm ý rằng cư dân có niềm tin cao vào chính quyền sẽ ủng hộ PTDL mạnh hơn khi họ cảm nhận được lợi ích, chất lượng sống tốt hơn, có sự

tham gia và gắn bó với cộng đồng. Vì vậy, Quảng Ngãi cần củng cố niềm tin thông qua quản lý minh bạch, phân bổ lợi ích công bằng và bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh kế địa phương.

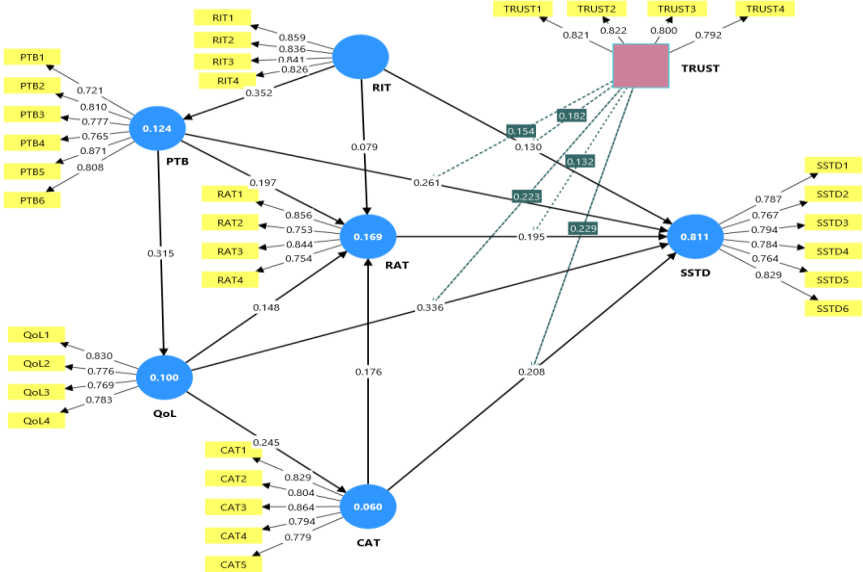
4.3.4. Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết

Bảng 4.6. Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số chuẩn hóa (β)	Giá trị (t)	Kết luận
H1	RIT -> SSTD	0,297	10,393***	Chấp nhận
H2	RIT -> RAT	0,170	4,402***	Chấp nhận
H3	RIT -> PTB	0,352	8,979***	Chấp nhận
H4	PTB -> SSTD	0,434	15,129***	Chấp nhận
H5	PTB -> RAT	0,257	6,945***	Chấp nhận
H6	PTB -> QoL	0,315	8,115***	Chấp nhận
H7	QoL -> SSTD	0,424	15,795***	Chấp nhận
H8	QoL -> RAT	0,191	4,757***	Chấp nhận
H9	QoL -> CAT	0,245	6,815***	Chấp nhận
H10	CAT -> SSTD	0,242	10,465***	Chấp nhận
H11	CAT -> RAT	0,176	4,640***	Chấp nhận
H12	RAT -> SSTD	0,195	8,192***	Chấp nhận
H13a	RIT -> RAT -> SSTD	0,015	2,004*	Chấp nhận
H13b	PTB -> RAT -> SSTD	0,038	4,079***	Chấp nhận
H13c	QoL -> RAT -> SSTD	0,029	3,129**	Chấp nhận
H13d	CAT -> RAT -> SSTD	0,034	4,097***	Chấp nhận
H14a	TRUST x RIT -> SSTD	0,182	8,756***	Chấp nhận
H14b	TRUST x PTB -> SSTD	0,154	7,331***	Chấp nhận
H14c	TRUST x QoL -> SSTD	0,223	9,612***	Chấp nhận
H14d	TRUST x CAT -> SSTD	0,229	10,490***	Chấp nhận
H14e	TRUST x RAT -> SSTD	0,132	5,854***	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

Ghi chú: * $p \leq 0,05$; ** $p \leq 0,01$; *** $p \leq 0,001$.



Hình 4.1. Kết quả phân tích đường dẫn mô hình nghiên cứu.

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

4.4. Năng lực giải thích và dự báo của mô hình

4.4.1. Hệ số R bình phương

Bảng 4.7. Hệ số R-square của các biến nội sinh

Biến nội sinh	R-square	R-square adjusted
CAT	0,060	0,059
PTB	0,124	0,122
QoL	0,100	0,098
RAT	0,169	0,164
SSTD	0,811	0,808

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

4.4.2. Hệ số tác động f-square

Bảng 4.8. Một số giá trị f-square trọng yếu trong mô hình

Quan hệ	f ²
TRUST x CAT -> SSTD	0,234
TRUST x QoL -> SSTD	0,224
TRUST x RIT -> SSTD	0,152
TRUST x PTB -> SSTD	0,104
TRUST x RAT -> SSTD	0,076
CAT -> SSTD	0,183
RIT -> SSTD	0,141
PTB -> SSTD	0,111
RAT -> SSTD	0,108
QoL -> SSTD	0,064

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

4.4.3. Đánh giá năng lực dự báo của mô hình bằng PLSpredict

Bảng 4.9. Kết quả PLSpredict đối với một số biến nội sinh

Biến nội sinh	Q ² predict	RMSE	MAE
SSTD	0,247	0,870	0,723
PTB	0,119	—	—
RAT	0,043	0,982	0,763
QoL	0,039	—	—
CAT	0,010	0,999	0,801

Nguồn: Kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

4.5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

4.5.1. Khái quát kết quả mô hình cấu trúc

Bảng 4.10. Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc

Quan hệ kiểm định	Hệ số (β)	Giá trị (t)	Mức ý nghĩa
RIT -> SSTD	0,297	10,393	$p < 0,001$
PTB -> SSTD	0,434	15,129	$p < 0,001$
QoL -> SSTD	0,424	15,795	$p < 0,001$
CAT -> SSTD	0,242	10,465	$p < 0,001$
RAT -> SSTD	0,195	8,192	$p < 0,001$

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích và xử lý dữ liệu, 2025.

4.5.2. Thảo luận ảnh hưởng của các nhân tố đến sự ủng hộ phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững

4.5.2.1. Ảnh hưởng của sự tham gia cư dân vào du lịch

Kết quả kiểm định cho thấy sự tham gia của cư dân vào du lịch có tác động thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững ($\beta = 0,297$; $t = 10,393$; $p < 0,001$). Đồng thời, nhân tố này cũng tác động tích cực đến thái độ của cư dân ($\beta = 0,170$; $t = 4,402$; $p < 0,001$) và lợi ích du lịch cảm nhận ($\beta = 0,352$; $t = 8,979$; $p < 0,001$). Kết quả này cho thấy sự tham gia của cư dân không chỉ là một nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự ủng hộ, mà còn đóng vai trò như một cơ chế trải nghiệm, thông qua đó cư dân có điều kiện tiếp xúc, quan sát, đánh giá và nhận diện

rõ hơn các lợi ích mà du lịch mang lại.

4.5.2.2. Ảnh hưởng của nhận thức cư dân về các lợi ích du lịch

Kết quả kiểm định cho thấy nhận thức của cư dân về các lợi ích du lịch là nhân tố có tác động trực tiếp mạnh nhất đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững ($\beta = 0,434$; $t = 15,129$; $p < 0,001$). Bên cạnh tác động trực tiếp, nhân tố này còn có ảnh hưởng thuận chiều đến thái độ của cư dân ($\beta = 0,257$; $t = 6,945$; $p < 0,001$) và chất lượng cuộc sống của cư dân ($\beta = 0,315$; $t = 8,115$; $p < 0,001$). Kết quả này khẳng định rằng cảm nhận của cư dân về lợi ích do du lịch mang lại là nền tảng quan trọng trong việc hình thành thái độ tích cực, nâng cao đánh giá về chất lượng sống và thúc đẩy sự ủng hộ đối với PTDL theo hướng bền vững.

4.5.2.3. Ảnh hưởng của chất lượng cuộc sống cư dân

Kết quả kiểm định cho thấy chất lượng cuộc sống của cư dân có tác động trực tiếp mạnh đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững ($\beta = 0,424$; $t = 15,795$; $p < 0,001$). Bên cạnh đó, chất lượng cuộc sống còn tác động thuận chiều đến thái độ của cư dân ($\beta = 0,191$; $t = 4,757$; $p < 0,001$) và sự gắn bó cộng đồng ($\beta = 0,245$; $t = 6,815$; $p < 0,001$). Kết quả này cho thấy chất lượng cuộc sống không chỉ là một biến kết quả phản ánh phúc lợi của cư dân, mà còn là một cơ chế trung tâm trong mô hình nghiên cứu, thông qua đó các lợi ích từ du lịch được chuyển hóa thành thái độ tích cực, sự gắn kết với cộng đồng và sự ủng hộ đối với PTDL bền vững.

4.5.2.4. Ảnh hưởng của sự gắn bó cư dân với cộng đồng

Kết quả kiểm định cho thấy sự gắn bó của cư dân với cộng đồng có tác động thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững ($\beta = 0,242$; $t = 10,465$; $p < 0,001$). Đồng thời, nhân tố này cũng tác động tích cực đến thái độ của cư dân ($\beta = 0,176$; $t = 4,640$; $p < 0,001$). Kết quả này cho thấy những cư dân có cảm giác thuộc về cộng đồng, tự hào về nơi cư trú và có cam kết lâu dài với địa phương thường có xu hướng đánh giá tích cực hơn và ủng hộ mạnh mẽ hơn đối với PTDL theo hướng bền vững.

4.5.2.5. Ảnh hưởng của thái độ cư dân với phát triển du lịch

Kết quả kiểm định cho thấy thái độ của cư dân đối với PTDL có tác động thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững ($\beta = 0,195$; $t = 8,192$; $p < 0,001$). Điều này cho thấy khi cư dân đánh giá tích cực về định hướng PTDL tại địa phương, họ có xu hướng đồng thuận, chấp nhận và ủng hộ mạnh mẽ hơn đối với các chính sách, chương trình và dự án du lịch. Mặc dù hệ số tác động của thái độ thấp hơn so với các nhân tố như nhận thức về lợi ích du lịch, chất lượng cuộc sống, sự tham gia của cư dân và sự gắn bó cộng đồng, thái độ vẫn giữ vai trò quan trọng trong mô hình nghiên cứu vì nó phản ánh sự kết tinh của nhận thức, trải nghiệm và đánh giá tổng thể của cư dân đối với du lịch.

4.5.3. Vai trò trung gian của thái độ cư dân và các cơ chế gián tiếp

Kết quả kiểm định tác động gián tiếp cho thấy thái độ của cư dân đối với PTDL giữ vai trò trung gian có ý nghĩa thống kê trong mối quan hệ giữa một số nhân tố tiền đề và sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Cụ thể, các đường dẫn gián tiếp $RIT \rightarrow RAT \rightarrow SSTD$, $PTB \rightarrow RAT \rightarrow SSTD$, $QoL \rightarrow RAT \rightarrow SSTD$ và $CAT \rightarrow RAT \rightarrow SSTD$ đều có hệ số dương và đạt ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy thái độ là một cơ chế tâm lý quan trọng, thông qua đó sự tham gia của cư dân, lợi ích du lịch cảm nhận, chất lượng cuộc sống và sự gắn bó cộng đồng được chuyển hóa một phần thành sự ủng hộ đối với PTDL theo hướng bền vững.

4.5.4. Vai trò điều tiết của niềm tin vào chính quyền

Kết quả kiểm định cho thấy niềm tin vào chính quyền giữ vai trò điều tiết tích cực trong các mối quan hệ giữa sự tham gia của cư dân vào du lịch, lợi ích du lịch cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, thái độ của cư dân và sự ủng hộ đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Cụ thể, các biến tương tác đều có hệ số dương và có ý nghĩa thống kê, gồm $TRUST \times RIT$ ($\beta = 0,182$; $t = 8,756$; $p < 0,001$), $TRUST \times PTB$ ($\beta = 0,154$; $t = 7,331$; $p < 0,001$), $TRUST \times QoL$ ($\beta = 0,223$; $t = 9,612$; $p < 0,001$), $TRUST \times CAT$ ($\beta = 0,229$; $t = 10,490$; $p < 0,001$) và $TRUST \times RAT$ ($\beta = 0,132$; $t = 5,854$; $p < 0,001$). Điều này cho thấy khi cư dân có mức độ tin tưởng cao hơn vào chính quyền địa phương, tác động của các nhân tố tích cực đến sự ủng hộ PTDL bền vững sẽ trở nên mạnh hơn. Nói cách khác, niềm tin vào chính quyền không chỉ là một nhân tố thể chế độc lập, mà còn là điều kiện làm gia tăng khả năng chuyển hóa nhận thức, trải nghiệm và thái độ tích cực của cư dân thành sự đồng thuận và hành vi ủng hộ (Phụ lục 17a, b, c, d, và e).

4.5.5. Nhận xét chung về cơ chế hình thành sự ủng hộ phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững

Sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững là kết quả của cơ chế xã hội – tâm lý và thể chế đa tầng. Trong đó, lợi ích du lịch cảm nhận và chất lượng cuộc sống giữ vai trò nền tảng; sự tham gia giúp cư dân trực tiếp trải nghiệm và nhận diện lợi ích; sự gắn bó cộng đồng tạo động lực bảo vệ, gìn giữ giá trị địa phương; thái độ đóng vai trò chuyển hóa nhận thức thành sự đồng thuận; còn niềm tin vào chính quyền là điều kiện thể chế làm mạnh hoặc suy yếu các tác động này. Vì vậy, PTDL theo hướng bền vững tại Quảng Ngãi cần được tiến hành như tiến trình đồng kiến tạo giữa chính quyền, doanh nghiệp, cư dân và các bên liên quan, trong đó cư dân là chủ thể tham gia, hưởng lợi, giám sát và đồng hành lâu dài.

4.6. Hàm ý chính sách nhằm gia tăng sự ủng hộ của cư dân địa phương phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững

4.6.1. Cơ sở đề xuất hàm ý chính sách

Thứ nhất, các hàm ý được rút ra từ kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu; Thứ hai, các hàm ý được đặt trong bối cảnh PTDL đặc thù của Quảng Ngãi, với sự khác biệt giữa các không gian nghiên cứu như thành phố Quảng Ngãi, Lý Sơn, Sa Huỳnh và Ba Tơ; Thứ ba, các hàm ý được liên kết với hệ thống định hướng chính sách hiện hành về PTDL và phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm Nghị quyết số 05-NQ/TU (2021) của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Quyết định 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 về Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Quyết định 304/QĐ-UBND ngày 10/03/2022; Kế hoạch 12/KH-UBND năm 2024; Kế hoạch 95/KH-UBND ngày 25/04/2025; Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 25/9/2020; Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 và Nghị quyết 82/NQ-CP của Chính phủ.

4.6.2. Nguyên tắc chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành hàm ý chính sách

Thứ nhất, hàm ý chính sách cần lấy cư dân địa phương làm trung tâm; Thứ hai, hàm ý chính sách cần gắn trực tiếp với các nhân tố có ý nghĩa thống kê trong mô hình; Thứ ba, hàm ý chính sách cần phù hợp với đặc điểm từng địa bàn; Thứ tư, hàm ý chính sách cần đồng thời phát huy nhân tố tích cực và kiểm soát tác động tiêu cực.

4.6.3. Hàm ý chính sách nhằm gia tăng sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững

Thứ nhất, cần làm cho lợi ích du lịch trở nên rõ ràng, công bằng và có thể cảm nhận được trong đời sống hằng ngày của cư dân.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức của cư dân về lợi ích du lịch là nhân tố có tác động trực tiếp mạnh nhất đến sự ủng hộ. Vì vậy, chính sách du lịch tại Quảng Ngãi không nên chỉ nhấn mạnh vào doanh thu, lượt khách hay thu hút đầu tư, mà cần chú trọng cách các lợi ích đó được chuyển hóa thành việc làm, thu nhập, cơ hội kinh doanh, cải thiện hạ tầng, nâng cao dịch vụ công và mở rộng sinh kế cho cư dân địa phương.

Đặc biệt, ở các địa bàn như Lý Sơn, Sa Huỳnh, Ba Tơ và thành phố Quảng Ngãi, cần có cơ chế giúp cư dân tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị du lịch thông qua cung ứng lưu trú nhỏ, ẩm thực địa phương, sản phẩm OCOP, dịch vụ hướng dẫn, trải nghiệm văn hóa, vận chuyển, làng nghề và các hoạt động bảo tồn tài nguyên. Khi cư dân nhìn thấy lợi ích cụ thể và công bằng từ du lịch, sự ủng hộ sẽ có nền tảng xã hội vững chắc hơn.

Về chính sách cụ thể, Quảng Ngãi có thể xây dựng cơ chế ưu tiên hộ dân, hợp tác xã, tổ nhóm cộng đồng và doanh nghiệp nhỏ địa phương tham gia vào chuỗi cung ứng du lịch. Các chương trình hỗ trợ tín dụng nhỏ, đào tạo kỹ năng dịch vụ, hỗ trợ chuyển đổi số, quảng bá sản phẩm địa phương và kết nối với doanh nghiệp lữ hành cần được thiết kế theo hướng giúp cư dân địa phương trực tiếp hưởng lợi từ tăng trưởng du lịch/gia tăng giá trị dịch vụ du lịch.

Thứ hai, cần xem cải thiện chất lượng cuộc sống của cư dân là tiêu chí trung tâm của phát triển du lịch bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng cuộc sống có tác động rất mạnh đến sự ủng hộ, đồng thời ảnh hưởng đến thái độ và sự gắn bó cộng đồng. Do đó, các chính sách PTDL cần được đánh giá không chỉ bằng hiệu quả kinh tế, mà còn bằng mức độ cải thiện đời sống của cư dân. Điều này bao gồm giảm áp lực rác thải, kiểm soát ô nhiễm, bảo đảm an ninh du lịch, hạn chế quá tải mùa vụ, cải thiện giao thông, nước sạch, vệ sinh môi trường, không gian sinh hoạt cộng đồng và chất lượng dịch vụ công tại các điểm đến du lịch.

Nếu du lịch làm gia tăng chi phí sinh hoạt, ô nhiễm, ùn tắc hoặc xung đột không gian, cư dân có thể suy giảm thái độ tích cực dù doanh thu du lịch tăng. Vì vậy, chính quyền địa phương cần thiết lập các chỉ báo theo dõi tác động của du lịch đến chất lượng sống của cư dân, xem đây là căn cứ quan trọng để điều chỉnh chính sách. Các chỉ báo này có thể bao gồm mức độ hài lòng của cư dân về môi trường sống, cơ

hội việc làm, thu nhập từ du lịch, chất lượng hạ tầng, an ninh – an toàn, tiếp cận dịch vụ công và cảm nhận về công bằng lợi ích.

Đối với Lý Sơn, ưu tiên chính sách cần tập trung vào quản lý rác thải, nước sạch, sức chứa điểm đến và áp lực mùa vụ. Đối với Sa Huỳnh, cần gắn cải thiện chất lượng sống với bảo tồn di sản, phát triển làng nghề và nâng cấp dịch vụ ven biển. Đối với Ba Tơ, cần gắn PTDL với sinh kế cộng đồng, hạ tầng tiếp cận và nâng cao năng lực của cư dân. Đối với thành phố Quảng Ngãi, cần phát huy vai trò trung tâm dịch vụ, thương mại, kết nối và hỗ trợ các địa bàn du lịch vệ tinh.

Thứ ba, cần mở rộng sự tham gia thực chất của cư dân vào quá trình phát triển du lịch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tham gia không chỉ tác động trực tiếp đến sự ủng hộ, mà còn giúp cư dân nhận diện rõ hơn lợi ích du lịch và hình thành thái độ tích cực. Vì vậy, sự tham gia của cư dân không nên dừng ở việc thông báo, tuyên truyền hoặc huy động trong các sự kiện du lịch, mà cần được thể chế hóa thành các cơ chế tham vấn, phản hồi, giám sát và đồng quản lý.

Chính quyền có thể tổ chức các diễn đàn cộng đồng định kỳ tại các địa bàn du lịch trọng điểm, lấy ý kiến cư dân trước các dự án mới, công khai phương án phân bổ lợi ích, đồng thời tạo kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh về môi trường, giá cả, an ninh, hạ tầng và chất lượng dịch vụ. Khi cư dân được tham gia vào quá trình ra quyết định, họ sẽ có cảm giác làm chủ cao hơn và dễ chuyển hóa sự tham gia thành sự ủng hộ lâu dài.

Về lâu dài, Quảng Ngãi cần phát triển các mô hình đồng quản lý điểm đến tại các khu vực có tính nhạy cảm cao như Lý Sơn, Sa Huỳnh và các điểm du lịch cộng đồng miền núi. Trong các mô hình này, cư dân cần được tham gia vào việc xây dựng quy ước du lịch cộng đồng, giám sát môi trường, quản lý sản phẩm trải nghiệm, bảo vệ tài nguyên và đánh giá chất lượng dịch vụ. Đây là cách để chuyển sự tham gia từ hình thức sang thực chất, đồng thời củng cố niềm tin và trách nhiệm cộng đồng.

Thứ tư, cần khai thác sự gắn bó cộng đồng như một nguồn lực xã hội cho phát triển du lịch bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy cư dân càng gắn bó với cộng đồng thì càng có xu hướng hình thành thái độ tích cực và ủng hộ PTDL. Điều này hàm ý rằng các chính sách du lịch tại Quảng Ngãi cần tôn trọng bản sắc địa phương, kỷ ức cộng đồng và các giá trị văn hóa – sinh thái đặc thù của từng không gian.

Ở Lý Sơn, PTDL cần gắn với văn hóa Hoàng Sa, nghề trồng tỏi, di sản địa chất và đời sống cộng đồng biển đảo. Ở Sa Huỳnh, cần gắn với văn hóa khảo cổ, làng nghề và không gian ven biển. Ở Ba Tơ, cần đặt trọng tâm vào văn hóa cộng đồng miền núi, sinh kế bản địa và năng lực tham gia của người dân. Ở thành phố Quảng Ngãi, cần phát huy vai trò của không gian đô thị – dịch vụ trong việc kết nối các tuyến du lịch văn hóa, lịch sử, ẩm thực và sự kiện.

Khi du lịch được cư dân cảm nhận là công cụ bảo tồn và phát huy giá trị địa phương, sự gắn bó cộng đồng sẽ trở thành động lực thúc đẩy sự đồng thuận xã hội. Ngược lại, nếu du lịch làm thương mại hóa văn hóa, làm biến dạng bản sắc hoặc tách cộng đồng khỏi tài nguyên của chính họ, sự gắn bó cộng đồng có thể chuyển thành tâm lý phòng vệ và làm suy giảm sự ủng hộ.

Thứ năm, cần nuôi dưỡng thái độ tích cực của cư dân thông qua trải nghiệm thực tế về sự bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thái độ là biến trung gian quan trọng, giúp chuyển hóa các nhận thức và trải nghiệm tích cực thành sự ủng hộ. Vì vậy, muốn gia tăng thái độ tích cực, chính quyền và doanh nghiệp cần tạo ra những bằng chứng cụ thể để cư dân thấy rằng du lịch thật sự mang lại lợi ích, bảo vệ môi trường, tôn trọng văn hóa và cải thiện đời sống.

Các chương trình truyền thông về du lịch bền vững chỉ có hiệu quả khi đi kèm với những thay đổi mà cư dân có thể quan sát và trải nghiệm, chẳng hạn như môi trường sạch hơn, hạ tầng tốt hơn, cơ hội việc làm rộng hơn, doanh nghiệp có trách nhiệm hơn và chính quyền phản hồi tốt hơn trước các vấn đề phát sinh. Do đó, truyền thông chính sách cần chuyển từ tuyên truyền một chiều sang đối thoại hai chiều với cộng đồng, giúp cư dân không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn có cơ hội phản hồi, góp ý và giám sát.

Đồng thời, tỉnh cần chú trọng truyền thông các mô hình điển hình về cư dân tham gia và hưởng lợi từ du lịch, các sáng kiến bảo vệ môi trường do cộng đồng thực hiện, các sản phẩm du lịch bản địa thành công và các trường hợp doanh nghiệp chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Những bằng chứng thực tế này có khả năng củng cố thái độ tích cực bền vững hơn so với các thông điệp tuyên truyền chung chung.

Thứ sáu, cần luôn luôn củng cố niềm tin vào chính quyền địa phương như điều kiện điều tiết then chốt của sự ủng hộ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy niềm tin vào chính quyền làm mạnh lên tác động của sự tham gia, lợi ích cảm nhận, chất lượng cuộc sống, gắn bó cộng đồng và thái độ đến sự ủng hộ. Điều này hàm ý rằng ngay cả khi cư dân nhận thấy du lịch có lợi, họ vẫn có thể không ủng hộ bền vững nếu thiếu niềm tin vào năng lực, tính minh bạch và trách nhiệm của chính quyền.

Vì vậy, Quảng Ngãi cần chú trọng công khai thông tin quy hoạch, minh bạch các dự án du lịch, giải trình rõ cơ chế phân bổ lợi ích, kiểm soát tác động môi trường và xử lý kịp thời phản ánh của cư dân. Niềm tin không thể được tạo ra bằng khẩu hiệu, mà phải được tích lũy thông qua các hành vi quản trị nhất quán, công bằng và có trách nhiệm.

Chính quyền địa phương cần thiết lập các cơ chế phản hồi công khai đối với kiến nghị của cư dân, đặc biệt tại các địa bàn chịu áp lực du lịch cao như Lý Sơn và Sa Huỳnh. Các thông tin về quy hoạch, dự án, đánh giá tác động môi trường, phương án quản lý sức chứa, kế hoạch xử lý rác thải và cơ chế hỗ trợ sinh kế cần được công khai theo cách dễ tiếp cận. Khi cư dân thấy rằng chính quyền lắng nghe, phản hồi và điều chỉnh chính sách dựa trên lợi ích cộng đồng, niềm tin sẽ được củng cố.

Thứ bảy, cần kiểm soát các yếu tố có thể làm suy giảm sự ủng hộ của cư dân.

Mặc dù mô hình nghiên cứu tập trung vào các nhân tố thúc đẩy sự ủng hộ, bối cảnh thực tiễn Quảng Ngãi cho thấy vẫn tồn tại nhiều yếu tố có thể làm suy giảm sự ủng hộ như ô nhiễm môi trường, quá tải mùa vụ, rác thải du lịch, bất bình đẳng trong hưởng lợi, thương mại hóa văn hóa, thiếu sản phẩm mùa thấp điểm và hạn chế trong năng lực quản trị điểm đến.

Do đó, bên cạnh các chính sách thúc đẩy lợi ích, tỉnh cần xây dựng các chính sách giảm thiểu chi phí xã hội – môi trường của du lịch. Cụ thể, cần quản lý sức chứa tại các điểm đến nhạy cảm, kiểm soát chất thải tại khu vực biển đảo, phát triển sản phẩm du lịch đa mùa để giảm áp lực mùa cao điểm, tăng cường giám sát hoạt động kinh doanh du lịch, bảo vệ không gian sinh hoạt của cư dân và thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch. Đây là điều kiện quan trọng để sự ủng hộ của cư dân không chỉ tăng trong ngắn hạn mà còn duy trì trong dài hạn.

Thứ tám, cần thiết kế chính sách theo đặc thù từng không gian du lịch của tỉnh Quảng Ngãi.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy sự ủng hộ của cư dân chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh sống, mức độ tham gia, mức độ hưởng lợi và mức độ chịu tác động từ du lịch. Vì vậy, chính sách không nên áp dụng đồng nhất cho mọi địa bàn.

Đối với Lý Sơn, trọng tâm chính sách là quản lý sức chứa, bảo vệ tài nguyên biển đảo, kiểm soát rác thải, PTDL địa chất – văn hóa biển và bảo đảm cư dân được hưởng lợi từ chuỗi giá trị du lịch. Đối với Sa Huỳnh, cần PTDL văn hóa – khảo cổ, làng nghề, du lịch biển và trải nghiệm cộng đồng theo hướng bảo tồn bản sắc. Đối với Ba Tơ, cần ưu tiên nâng cao năng lực cộng đồng, hỗ trợ sinh kế, phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa dân tộc. Đối với thành phố Quảng Ngãi, cần phát huy vai trò trung tâm điều phối, dịch vụ, lưu trú, ẩm thực, sự kiện và kết nối các tuyến du lịch trong tỉnh.

Cách tiếp cận theo không gian này giúp chính sách PTDL phù hợp hơn với thực tiễn địa phương, đồng thời làm tăng khả năng cư dân cảm nhận được lợi ích và tham gia vào quá trình phát triển.

Nhìn chung, các hàm ý quản trị và chính sách rút ra từ kết quả nghiên cứu cho thấy PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững cần được thiết kế theo góc nhìn gia tăng sự ủng hộ của cư dân, thay vì chỉ theo góc nhìn gia tăng quy mô du lịch. Điều này có nghĩa là mọi can thiệp chính sách cần trả lời ba câu hỏi cốt lõi: cư dân có được tham gia không, cư dân có cảm nhận được lợi ích không, và cư dân có tin rằng quá trình phát triển được quản trị công bằng, minh bạch và vì lợi ích chung không. Khi ba điều kiện này được bảo đảm, sự ủng hộ của cư dân sẽ không chỉ là sự chấp nhận thụ động, mà có thể trở thành sự đồng thuận chủ động và cam kết dài hạn đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Đây chính là nền tảng xã hội quan trọng để Quảng Ngãi chuyển từ mô hình PTDL dựa vào khai thác tài nguyên sang mô hình PTDL dựa trên đồng kiến tạo giá trị, bảo tồn bản sắc, nâng cao chất lượng sống và quản trị điểm đến có trách nhiệm.

4.7. Tóm tắt chương 4

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Kết luận

Luận án được thực hiện trong bối cảnh tỉnh Quảng Ngãi đang định hướng PTDL trở thành một ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu phát triển địa phương. Tuy nhiên, PTDL theo hướng bền vững không chỉ phụ thuộc vào lợi thế tài nguyên, hạ tầng, sản phẩm hay hoạt động xúc tiến điểm đến, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi mức độ đồng thuận và ủng hộ của cộng đồng cư dân địa phương. Xuất phát từ thực tiễn đó, luận án không tiếp cận PTDL bền vững như một tiến trình tổng thể cần đo lường toàn

diện ở mọi phương diện, mà tập trung làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Đây là cách tiếp cận phù hợp, bởi sự ủng hộ của cư dân chính là một điều kiện xã hội quan trọng quyết định tính khả thi, tính chính danh và sức bền của các chính sách PTDL tại điểm đến.

Trên cơ sở vận dụng Lý thuyết Trao đổi xã hội, Lý thuyết Các bên liên quan, Lý thuyết Hành vi có kế hoạch và các khung lý thuyết hỗ trợ, luận án đã xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu tại bốn địa bàn tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi, gồm thành phố Quảng Ngãi, Lý Sơn, Sa Huỳnh và Ba Tư. Các địa bàn này đại diện cho những không gian PTDL khác nhau của tỉnh: đô thị - dịch vụ, biển đảo, ven biển - di sản và miền núi - cộng đồng. Việc lựa chọn các địa bàn này cho phép luận án phản ánh rõ hơn sự khác biệt về tài nguyên, sinh kế, mức độ tham gia, lợi ích cảm nhận, áp lực môi trường - xã hội và bối cảnh cộng đồng trong quá trình PTDL địa phương.

Kết quả phân tích định lượng từ 760 quan sát hợp lệ cho thấy mô hình nghiên cứu có năng lực giải thích cao đối với sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Các kiểm định về độ tin cậy, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt và đa cộng tuyến cho thấy hệ thống thang đo đạt yêu cầu về mặt phương pháp luận. Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc khẳng định các nhân tố gồm sự tham gia của cư dân vào du lịch, lợi ích du lịch cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự gắn bó cộng đồng, thái độ đối với PTDL theo hướng bền vững và niềm tin vào chính quyền đều có vai trò quan trọng trong việc lý giải sự ủng hộ của cư dân.

Trong số các nhân tố được kiểm định, lợi ích du lịch cảm nhận và chất lượng cuộc sống là hai yếu tố có ý nghĩa nổi bật nhất. Khi cư dân nhận thấy du lịch tạo ra cơ hội việc làm, tăng thu nhập, mở rộng hoạt động kinh doanh, cải thiện hạ tầng, nâng cao dịch vụ và góp phần cải thiện điều kiện sống, họ có xu hướng đánh giá tích cực hơn về PTDL và gia tăng mức độ ủng hộ. Phát hiện này cho thấy sự ủng hộ của cư dân không thể được hình thành chỉ bằng các định hướng chính sách hoặc khẩu hiệu phát triển bền vững, mà cần được củng cố bằng những lợi ích cụ thể, có thể cảm nhận được và gắn trực tiếp với đời sống hằng ngày của cộng đồng.

Bên cạnh đó, sự tham gia của cư dân vào du lịch được xác định là một điểm khởi phát quan trọng trong cơ chế hình thành sự ủng hộ. Mặc dù tác động trực tiếp của sự tham gia không phải là mạnh nhất trong mô hình, nhân tố này giúp cư dân tiếp xúc trực tiếp với hoạt động du lịch, nhận diện rõ hơn các lợi ích, cải thiện cảm nhận về chất lượng cuộc sống và hình thành thái độ tích cực hơn đối với PTDL theo hướng bền vững. Điều này cho thấy nếu cư dân chỉ đứng ở vị trí quan sát hoặc là nhóm chịu tác động thụ động, sự ủng hộ có thể thiếu ổn định. Ngược lại, khi cư dân được tham gia thực chất vào chuỗi giá trị du lịch và quá trình ra quyết định, họ có nhiều khả năng trở thành chủ thể đồng hành, giám sát và đồng kiến tạo sự phát triển của điểm đến.

Luận án cũng khẳng định vai trò đáng kể của sự gắn bó cộng đồng trong việc hình thành sự ủng hộ của cư dân. Những cư dân có mức độ gắn bó cao với nơi cư trú thường nhìn nhận PTDL không chỉ từ góc độ lợi ích cá nhân, mà còn từ trách nhiệm bảo tồn, phục hồi và phát huy các giá trị của cộng đồng. Trong bối cảnh Quảng Ngãi, nơi các giá trị biển đảo, văn hóa Sa Huỳnh, di sản lịch sử, làng nghề và văn hóa dân tộc thiểu số giữ vai trò quan trọng, sự gắn bó cộng đồng giúp chuyển hóa lợi ích du lịch thành niềm tự hào, trách nhiệm xã hội và thái độ ủng hộ đối với PTDL theo hướng bền vững.

Kết quả nghiên cứu tiếp tục cho thấy thái độ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững đóng vai trò trung gian trong nhiều mối quan hệ của mô hình. Điều này hàm ý rằng các yếu tố như lợi ích du lịch cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự tham gia và sự gắn bó cộng đồng không tự động chuyển hóa thành sự ủng hộ, mà cần thông qua quá trình cư dân đánh giá, diễn giải và hình thành thái độ tích cực đối với PTDL. Do đó, thái độ có thể được xem là cầu nối tâm lý giữa trải nghiệm của cư dân và mức độ họ sẵn sàng ủng hộ các chính sách, chương trình du lịch và hoạt động PTDL theo hướng bền vững tại địa phương.

Đặc biệt, luận án xác nhận niềm tin vào chính quyền là nhân tố điều tiết quan trọng trong mô hình nghiên cứu. Khi cư dân tin tưởng vào năng lực, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và thiện chí của chính quyền trong quản lý PTDL, tác động của các nhân tố như lợi ích cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự tham gia, sự gắn bó cộng đồng và thái độ đến sự ủng hộ trở nên mạnh hơn. Ngược lại, khi niềm tin vào chính quyền suy giảm, ngay cả những lợi ích tích cực từ du lịch cũng có thể khó chuyển hóa thành sự đồng thuận và ủng hộ ổn định. Phát hiện này nhấn mạnh rằng vai trò của chính quyền địa phương không chỉ nằm ở hoạch định chính sách, quy hoạch hay quản lý điểm đến, mà còn ở khả năng kiến tạo niềm tin xã hội, duy trì đối thoại và bảo đảm công bằng trong quá trình phát triển.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu, luận án khẳng định rằng sự ủng hộ của cư dân địa phương đối

với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững là kết quả của một cơ chế tác động đa chiều, trong đó các yếu tố kinh tế, xã hội, tâm lý và thể chế tương tác chặt chẽ với nhau. Sự ủng hộ này không hình thành một cách tự phát, mà phụ thuộc vào việc cư dân có được tham gia thực chất hay không, có cảm nhận được lợi ích từ du lịch hay không, chất lượng cuộc sống có được cải thiện hay không, mức độ gắn bó cộng đồng ra sao, thái độ đối với du lịch như thế nào và họ có tin tưởng vào chính quyền hay không. Vì vậy, PTDL tại Quảng Ngãi cần chuyển từ tư duy dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và gia tăng lượng khách sang tư duy quản trị điểm đến dựa vào cộng đồng, trong đó sự đồng thuận, tham gia và ủng hộ của cư dân được xem là nền tảng xã hội thiết yếu cho phát triển bền vững.

2. Những đóng góp mới của luận án

2.1. Đóng góp về mặt lý luận

Thứ nhất, luận án làm rõ cách tiếp cận nghiên cứu về sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với PTDL theo hướng bền vững. Thay vì xem sự ủng hộ của cư dân đồng nhất với việc đánh giá toàn diện mức độ PTDL của điểm đến, luận án tập trung phân tích các nhân tố tác động đến sự ủng hộ của cư dân, tách bạch giữa “phát triển du lịch bền vững” như bối cảnh chính sách và “sự ủng hộ của cư dân” như biến kết quả trung tâm. Cách tiếp cận này giải quyết khoảng trống lý thuyết về việc mô hình hiện tại chưa phân biệt rõ giữa bối cảnh và kết quả hành vi.

Thứ hai, luận án bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho các lý thuyết giải thích sự ủng hộ du lịch từ góc nhìn cư dân địa phương, bao gồm Lý thuyết Trao đổi xã hội, Lý thuyết Các bên liên quan, Lý thuyết Hành vi có kế hoạch. Khác với nhiều nghiên cứu trước, nghiên cứu này làm rõ các cơ chế tác động gián tiếp thông qua thái độ, chất lượng cuộc sống và các chuỗi trung gian nhiều bước, từ đó giải thích sự ủng hộ của cư dân như một kết quả của quá trình tương tác phức hợp giữa nhận thức lợi ích, trải nghiệm sống, thái độ và gắn bó cộng đồng. Điều này kỳ vọng lấp đầy khoảng trống về nghiên cứu cơ chế trung gian và điều tiết mà các nghiên cứu trước chưa thực hiện ở tỉnh Quảng Ngãi.

Thứ ba, luận án làm rõ vai trò của sự tham gia của cư dân như một điểm khởi phát quan trọng trong cơ chế hình thành sự ủng hộ. Sự tham gia không chỉ tác động trực tiếp mà còn gia tăng nhận thức lợi ích, cải thiện chất lượng cuộc sống, củng cố thái độ tích cực và thúc đẩy sự ủng hộ theo hướng bền vững. Kết quả này giải quyết khoảng trống liên quan đến việc nghiên cứu chưa đánh giá đầy đủ quá trình chuyển hóa từ tham gia sang đồng thuận và ủng hộ, đồng thời nhấn mạnh tác động của quản trị địa phương tác động” trở thành “chủ thể đồng kiến tạo” trong phát triển điểm đến.

Thứ tư, luận án làm rõ vai trò điều tiết của niềm tin vào chính quyền địa phương. Thay vì xem niềm tin là biến tác động trực tiếp, nghiên cứu chỉ ra rằng niềm tin thay đổi cường độ và chiều hướng tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội, tâm lý và thái độ đến sự ủng hộ. Phát hiện này lấp đầy khoảng trống liên quan đến vai trò điều tiết của thể chế, đồng thời nhấn mạnh tác động của quản trị địa phương trong chuyển hóa lợi ích và gắn bó cộng đồng thành đồng thuận xã hội.

Thứ năm, luận án bổ sung bằng chứng thực nghiệm từ một địa phương đặc thù, Quảng Ngãi, nơi có sự đa dạng về địa bàn, mức độ PTDL theo hướng bền vững chưa thật sự đồng đều và sự khác biệt trong sự tham gia của cư dân. Qua đó, nghiên cứu phản ánh sự không đồng nhất trong cộng đồng cư dân, làm rõ cơ chế hình thành sự ủng hộ trong bối cảnh tài nguyên đa dạng và chính sách PTDL đang hình thành. Kết quả này mở rộng phạm vi ứng dụng của mô hình nghiên cứu về sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL bền vững tại Việt Nam.

Nhìn chung, nghiên cứu góp phần hệ thống hóa cơ sở lý thuyết liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL theo hướng bền vững. Trên cơ sở đó, luận án xây dựng và đề xuất mô hình nghiên cứu nhằm làm rõ mối quan hệ giữa các nhân tố tác động và mức độ ủng hộ của cư dân đối với hoạt động PTDL theo hướng bền vững.

2.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Thứ nhất, luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy sự ủng hộ của cư dân Quảng Ngãi đối với phát triển du lịch theo hướng bền vững không chỉ phụ thuộc vào quy mô tăng trưởng du lịch, mà còn gắn chặt với mức độ cư dân cảm nhận được lợi ích, sự cải thiện chất lượng cuộc sống và tính công bằng trong phân bổ lợi ích. Kết quả này hàm ý rằng việc gia tăng lượng khách hoặc doanh thu du lịch chưa đủ để tạo lập đồng thuận xã hội nếu các lợi ích từ du lịch không lan tỏa đến cộng đồng địa phương.

Thứ hai, trên cơ sở mức độ tác động của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, luận án đề xuất một số định hướng chính sách trọng tâm, bao gồm: nâng cao lợi ích du lịch cảm nhận và chất lượng cuộc sống của cư dân; mở rộng sự tham gia thực chất của cộng đồng vào hoạt động du lịch; củng cố gắn bó cộng đồng thông qua bảo tồn văn hóa và môi trường; xây dựng niềm tin vào chính quyền thông qua minh bạch thông tin, đối thoại và trách nhiệm giải trình; đồng thời định hình thái độ tích cực của cư dân

đối với phát triển du lịch bền vững.

Thứ ba, nghiên cứu đưa ra các hàm ý quản trị phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn khảo sát. Đối với TP. Quảng Ngãi, cần tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, phát triển sản phẩm văn hóa – dịch vụ và tăng cường tương tác giữa cư dân với du khách. Đối với Lý Sơn, trọng tâm quản trị là kiểm soát sức chứa, bảo vệ tài nguyên biển đảo, quản lý rác thải và bảo đảm cư dân được hưởng lợi trực tiếp từ du lịch. Đối với Sa Huỳnh, cần chú trọng bảo tồn di sản văn hóa, làng nghề truyền thống, sinh kế ven biển và mở rộng sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động kinh doanh du lịch. Đối với Ba Tơ, chính sách cần ưu tiên phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa bản địa, nâng cao năng lực cư dân và hạn chế thương mại hóa quá mức các giá trị văn hóa bản địa.

Thứ tư, luận án nhấn mạnh niềm tin vào chính quyền địa phương là điều kiện quan trọng để duy trì sự ủng hộ lâu dài của cư dân. Vì vậy, chính sách du lịch cần đi kèm với cơ chế tham vấn cộng đồng thực chất, công khai thông tin dự án, minh bạch trong phân bổ lợi ích, phản hồi ý kiến cư dân và giám sát tác động kinh tế, xã hội, môi trường. Khi các cơ chế này được vận hành hiệu quả, cư dân có cơ sở để tin tưởng, hợp tác và đồng hành với tiến trình phát triển du lịch bền vững.

Thứ năm, luận án kết hợp kết quả kiểm định thực nghiệm với phân tích TOWS nhằm hỗ trợ cơ quan quản lý nhận diện rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch Quảng Ngãi. Cách tiếp cận này góp phần chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành các định hướng quản trị có tính khả thi, phù hợp với điều kiện địa phương và tăng cường sự kết nối giữa nghiên cứu học thuật với hoạch định chính sách thực tiễn.

Nhìn chung, mô hình nghiên cứu được kiểm định trong bối cảnh tỉnh Quảng Ngãi, qua đó xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự ủng hộ của cư dân đối với PTDL Quảng Ngãi theo hướng bền vững. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các hàm ý chính sách phù hợp, nhằm tăng cường sự tham gia và ủng hộ của cư dân đối với PTDL tại Quảng Ngãi, góp phần định hướng phát triển du lịch địa phương theo hướng bền vững và gắn với điều kiện thực tiễn.

3. Hạn chế nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Hạn chế nghiên cứu. Mặc dù luận án đã đạt được các mục tiêu nghiên cứu và cung cấp bằng chứng thực nghiệm có ý nghĩa về các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững, nghiên cứu vẫn còn một số giới hạn nhất định. Trước hết, dữ liệu được thu thập theo thiết kế cắt ngang tại một thời điểm, nên kết quả chủ yếu phản ánh mối quan hệ thống kê giữa các biến trong bối cảnh khảo sát, chưa cho phép theo dõi sự thay đổi của nhận thức, thái độ, niềm tin và sự ủng hộ của cư dân theo thời gian. Bên cạnh đó, phạm vi khảo sát tập trung vào bốn địa bàn tiêu biểu gồm TP. Quảng Ngãi, Lý Sơn, Sa Huỳnh và Ba Tơ; tuy có khả năng phản ánh tương đối các không gian du lịch chính của tỉnh, nhưng chưa bao quát toàn bộ các khu vực có tiềm năng hoặc chịu tác động từ phát triển du lịch. Ngoài ra, mô hình nghiên cứu chủ yếu xem xét các nhân tố tích cực như lợi ích du lịch cảm nhận, chất lượng cuộc sống, sự tham gia, gắn bó cộng đồng và niềm tin vào chính quyền, trong khi các yếu tố phản ánh chi phí hoặc tác động tiêu cực của du lịch chưa được tích hợp như những cấu trúc độc lập. Luận án cũng chưa phân tích sâu sự khác biệt giữa các nhóm cư dân theo nghề nghiệp, mức độ tham gia, mức độ hưởng lợi, thu nhập, giới tính, độ tuổi hoặc thời gian cư trú.

Hướng nghiên cứu tiếp theo. Từ các giới hạn trên, các nghiên cứu trong tương lai có thể tiếp tục mở rộng và hoàn thiện khung phân tích về sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch bền vững. Trước hết, cần xem xét sử dụng thiết kế nghiên cứu dọc hoặc khảo sát lặp lại theo các giai đoạn phát triển điểm đến nhằm nhận diện rõ hơn sự biến đổi trong nhận thức, thái độ, niềm tin và mức độ ủng hộ của cư dân theo thời gian. Đồng thời, phạm vi nghiên cứu có thể được mở rộng sang các địa bàn khác của Quảng Ngãi như Mỹ Khê, Bình Châu, Trà Bồng, Minh Long hoặc các khu vực ven biển và miền núi khác để tăng khả năng so sánh và khái quát hóa kết quả. Về mô hình nghiên cứu, các nghiên cứu tiếp theo nên tích hợp đồng thời cả nhóm nhân tố tích cực và tiêu cực, chẳng hạn áp lực môi trường, quá tải du lịch, xung đột lợi ích, bất bình đẳng trong phân phối lợi ích từ du lịch mang lại, thương mại hóa văn hóa hoặc rủi ro xã hội.

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phan Thanh Vịnh, Lê Thanh An, & Đặng Văn Mỹ. (2025). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của dân cư địa phương đối với sự phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi: Đề xuất mô hình lý thuyết. *Tạp chí Phát triển bền vững Vùng*, 15(2), 37–50. ISSN: 3093-3951.
2. Phan Thanh Vịnh, Lê Thanh An, & Đặng Văn Mỹ. (2025). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch bền vững: Bằng chứng từ Quảng. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 134(5C), 57–77. ISSN: 2588-1205.
3. Phan Thanh Vịnh, Lê Thanh An, & Đặng Văn Mỹ. (2024). Phát triển điểm đến du lịch Quảng Ngãi theo hướng bền vững: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 63–66. e-ISSN: 2734-9365.
4. Phan Thanh Vịnh, Lê Thanh An, & Đặng Văn Mỹ. (2025). Phát triển điểm đến du lịch theo hướng bền vững. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. e-ISSN: 2815-5831.
5. Phan Thanh Vịnh, Lê Thanh An, & Đặng Văn Mỹ. (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý điểm đến du lịch bền vững: Trường hợp nghiên cứu đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, (297), 38–41. ISSN: 1859-4093.